

Biện pháp thích ứng cho hệ thống canh tác dựa trên lúa gạo tại các tỉnh vùng Bán đảo Cà Mau trong bối cảnh biến đổi khí hậu: Báo cáo đánh giá

Báo cáo hoạt động số 278

Chương trình nghiên cứu Biến đổi Khí hậu, Nông nghiệp và An ninh Lương thực (CCAFS)

Bùi Bá Bổng
Nguyễn Văn Bộ
Lê Thanh Tùng
Nguyễn Đình Vượng
Châu Tài Tảo
Dương Minh Tuấn
Nguyễn Đức Trung



RESEARCH PROGRAM ON
**Climate Change,
Agriculture and
Food Security**



WorkingPaper

Biện pháp thích ứng cho hệ thống canh tác dựa trên lúa gạo tại các tỉnh vùng Bán đảo Cà Mau trong bối cảnh biến đổi khí hậu: Báo cáo đánh giá

Báo cáo hoạt động số 278

Chương trình nghiên cứu Biến đổi Khí hậu, Nông nghiệp
và An ninh Lương thực (CCAFS)

Bùi Bá Bổng
Nguyễn Văn Bộ
Lê Thanh Tùng
Nguyễn Đình Vượng
Châu Tài Tảo
Dương Minh Tuấn
Nguyễn Đức Trung

Trích dẫn: Bồng BB, Bộ NV, Tùng LT, Vương ND, Tao CT, Tuan DM, và Trung ND. 2019. Biện pháp thích ứng cho hệ thống canh tác dựa trên lúa gạo tại các tỉnh vùng Bán đảo Cà Mau trong bối cảnh biến đổi khí hậu: Báo cáo đánh giá. Báo cáo hoạt động số 278 CCAFS. Chương trình nghiên cứu Biến đổi Khí hậu, Nông nghiệp và An ninh Lương thực (CCAFS). Wageningen, Hà Lan: Chương trình Nghiên cứu của CGIAR về Biến đổi Khí hậu, Nông nghiệp và An ninh Lương thực (CCAFS). Bản mềm có tại: www.ccafs.cgiar.org

Tiêu đề của các báo cáo này nhằm phổ biến các nghiên cứu và thực hành về Biến đổi khí hậu, nông nghiệp và An ninh lương thực và để khuyến khích sự phản hồi từ cộng đồng khoa học.

Chương trình nghiên cứu Biến đổi Khí hậu, Nông nghiệp và An ninh Lương thực (CCAFS) của Liên hiệp các Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế (CGIAR) là một quan hệ đối tác chiến lược giữa CGIAR và Future Earth, do Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế (CIAT) chủ trì. Chương trình này được thực hiện nhờ nguồn tài chính của các nhà tài trợ, Chính phủ các nước Úc (ACIAR), Ireland (Irish Aid), Hà Lan (Bộ Ngoại giao), New Zealand (Bộ Ngoại giao và Thương mại); Switzerland (SDC); Thái Lan; Anh (UK Aid); Mỹ (USAID); Hội đồng Châu Âu (EU); và với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD).

Liên hệ:

Bộ phận quản lý chương trình CCAFS, trường Đại học Wageningen, tòa nhà Lumen, Droevendaalsesteeg 3a, 6708 PB Wageningen, The Netherlands. Email: ccaafs@cgiar.org

Giấy phép bản quyền Creative Commons



Báo cáo này được cấp phép trong khuôn khổ thẩm quyền Creative Commons – Ghi nhận công tác giả- Phi thương mại–Không phát sinh.

Các bài trong ấn phẩm này có thể được trích dẫn và sao chép tự do nhưng phải đề cập tới nguồn tài liệu. Không được dùng ấn phẩm này để bán hay cho các mục đích thương mại khác.

© 2019 Chương trình nghiên cứu Biến đổi Khí hậu, Nông nghiệp và An ninh Lương thực (CCAFS) của Liên hiệp các Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế (CGIAR). Báo cáo hoạt động số 278.

LƯU Ý:

Báo cáo này là sản phẩm của hoạt động của chương trình CCAFS khu vực Đông Nam Á, chưa được các chuyên gia đánh giá. Mọi ý kiến nêu trong báo cáo này là của các tác giả và không phản ánh chính sách cũng như ý kiến của CCAFS, các cơ quan tài trợ hoặc đối tác.

Toàn bộ các hình ảnh trong báo cáo là tài sản hữu độc nhất của tác giả và không được sử dụng cho bất cứ mục đích nào mà không được phép bằng văn bản của các tác giả.

Tóm tắt

Báo cáo này trình bày kết quả của các cuộc họp tham vấn và các chuyến khảo sát thực địa do Cục Trồng trọt và Chương trình Nghiên cứu về Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp và An ninh lương thực tại Đông Nam Á phối hợp với bốn Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại các tỉnh ven biển Đồng bằng Sông Cửu Long là Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, và Sóc Trăng.

Các cuộc thảo luận tập trung vào tiến độ thực hiện việc chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả và các nỗ lực tăng cường thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu trong ngành nông nghiệp của các tỉnh. Các chủ đề cụ thể được thảo luận xoay quanh các phương án nhằm giảm bớt rủi ro khí hậu, sản xuất, chuyển đổi và quản lý cây trồng cũng như việc thực hiện các thông tư, quyết định, đặc biệt là Quyết định số 1915/QĐ-BNH-KH của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt Đề án phát triển sản xuất lúa vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Báo cáo đánh giá này đồng thời xem xét nhiều vấn đề có ảnh hưởng đến chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp của khu vực các tỉnh ven biển như việc dự báo rủi ro do biến đổi khí hậu gây ra, dự báo về biến động thị trường nông sản trong khu vực và thế giới, hiện trạng liên kết giữa nông dân và thị trường tiềm năng, khoảng trống kiến thức và kỹ năng về sản xuất các loại cây trồng mới trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thực trạng vi phạm qui định của Chính phủ cũng như quy hoạch của tỉnh khi thay đổi hệ thống trồng trọt, và việc tập trung đầu tư nhiều hơn vào hiện đại hóa cơ sở hạ tầng nông nghiệp so với các hạng mục đầu tư khác.

Báo cáo này cũng chỉ ra được tầm quan trọng của đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra phức tạp tại Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung và các tỉnh ven biển nói riêng để chỉ đạo và định hướng các hành động tại mỗi tỉnh. Các bản đồ rủi ro và kế hoạch thích ứng liên quan đến khí hậu (CS MAP) áp dụng cho năm tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long rất có giá trị trong việc quy hoạch cơ cấu mùa vụ và xác định lịch gieo trồng của các vụ lúa.

Từ khóa

Biến đổi khí hậu, kế hoạch thích ứng, hệ thống trồng trọt

Thông tin tác giả:

TS. Bùi Bá Bổng, nguyên Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trưởng nhóm nghiên cứu. Email: buiomon999@gmail.com

TS. Nguyễn Văn Bộ, nguyên Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và PTNT. Email: nguyenvanbo2@gmail.com

ThS. Lê Thanh Tùng, Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và PTNT. Email: tungctt@gmail.com

TS. Nguyễn Đình Vượng, Giám đốc Trung tâm Thủy Nông, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam. Email: vuongnd_siwrr@yahoo.com.vn

TS. Châu Tài Tảo, Giảng viên khoa Thủy sản, trường Đại học Cần Thơ. Email: cttao@ctu.edu.vn

CN. Dương Minh Tuấn, trợ lý nghiên cứu tại Chương trình nghiên cứu về Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp, và An ninh lương thực khu vực Đông Nam Á. Email: d.minhtuan@cgiar.org

ThS. Nguyễn Đức Trung, cán bộ nghiên cứu tại Chương trình nghiên cứu về Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp, và An ninh lương thực khu vực Đông Nam Á. Email: n.trung@irri.org

Lời cảm ơn

Hoạt động đánh giá và báo cáo này được thực hiện với sự hỗ trợ của Chương trình nghiên cứu của CGIAR về Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp và An ninh lương thực tại khu vực Đông Nam Á (CCAFS SEA) và Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam). Nhóm tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành đến lãnh đạo và tập thể cán bộ các Sở Nông nghiệp và PTNT cùng bà con nông dân tại bốn tỉnh tham gia vào đợt khảo sát này về những thông tin vô cùng quý báu.

Mục lục

Tóm tắt	iv
Thông tin tác giả.....	v
Lời cảm ơn.....	vi
Các từ viết tắt	viii
Tổng Quan.....	1
Mục Đích Và Phương Pháp.....	1
Mục đích khảo sát.....	1
Phương pháp.....	2
Kết Quả Khảo Sát.....	2
Kiên Giang.....	2
Cà Mau	7
Bạc Liêu	12
Sóc Trăng	16
Nhận Xét Và Kiến Nghị	19
Nhận xét chung cho vùng ĐBSCL	19

Các từ viết tắt

BĐKH	Biến đổi khí hậu
CCAFS SEA	Climate Change, Agriculture and Food Security – South East Asia (Chương trình nghiên cứu về Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp và An ninh lương thực tại Đông Nam Á)
CLUES	Climate Change Affecting Land Use in the Mekong Delta: Adaptation of Rice-based Cropping Systems (Dự án Tăng tính thích ứng của hệ thống canh tác lúa gạo tại các vùng chịu tác động của biến đổi khí hậu ở Đồng bằng Sông Cửu Long)
CS MAP	Climate Smart Mapping and Adaptation Planning (Phương pháp lập bản đồ và lập kế hoạch sản xuất nông nghiệp thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu)
CSA	Climate Smart Agriculture (Nông nghiệp thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu)
FAO	Food and Agriculture Organization (Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc)
Global GAP	Global Good Agricultural Practices (Thực hành Nông nghiệp tốt toàn cầu)
GIS	Geo-Information System (Hệ thống quản lý thông tin địa lý)
IRRI	International Rice Research Insitute (Viện nghiên cứu Lúa gạo Quốc tế)
NGO	Non-Governmental Organization (Tổ chức phi chính phủ)
VietGAP	Thực hành Nông nghiệp tốt Việt Nam
VND	Việt Nam Đồng
VnSAT	Vietnam Sustainable Agriculture Transformation Projec (Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững ở Việt Nam)

I. TỔNG QUAN

Đã hai năm kể từ khi hiện tượng El Nino - Dao động Nam tấn công Việt Nam vào năm 2016, Chương trình Nghiên cứu của CGIAR về Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp và An ninh lương thực tại Đông Nam Á (CCAFS SEA) và Cục Trồng trọt (DCP) đã hợp tác xây dựng bộ bản đồ rủi ro và các kế hoạch thích ứng liên quan đến khí hậu cho 13 tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) (Sơn và cộng sự, 2018).

Sau nhiều cuộc tham vấn và thảo luận, Cục Trồng trọt và các Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn các tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) đã xác định được các rủi ro chung liên quan đến khí hậu trên khắp các tỉnh. Mức độ xác định của các rủi ro (như lũ lụt, hạn hán và xâm nhập mặn) và các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội riêng của từng khu vực cũng đã được đánh giá bởi các cán bộ địa phương. Hiện nay, Cục Trồng trọt đã yêu cầu các tỉnh ĐBSCL sử dụng bản đồ rủi ro theo hướng dẫn để lập các kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho ngành sản xuất lúa gạo.

Các kế hoạch thích ứng hiện nay bao gồm hai biện pháp: thay đổi hệ thống trồng trọt và điều chỉnh lịch cấy và/hoặc gieo sạ. Các kế hoạch thích ứng cho thấy diện tích trồng lúa cần chuyển đổi từ ba vụ lúa sang hai vụ lúa và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản (ví dụ như tôm hoặc cá). Tuy nhiên, các hệ thống trồng trọt thay thế hiện vẫn chưa được xác định rõ ràng tại các khu vực được đề xuất giảm diện tích canh tác lúa. Những khả năng, hạn chế, cơ hội thị trường, và các yêu cầu khác đối với việc thực hiện các phương án cũng chưa được đánh giá một cách thấu đáo.

Cục Trồng trọt và CCAFS SEA đã tổ chức tham vấn với các Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của năm tỉnh ĐBSCL từ 13 đến 18 tháng 08 năm 2018 nhằm xác định các biện pháp thay thế cho canh tác lúa kém hiệu quả có tiềm năng để lồng ghép vào việc lập kế hoạch thích ứng và kế hoạch sản xuất nông nghiệp trong bối cảnh BĐKH.

II. MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Mục đích khảo sát

Với sự giúp đỡ của CCAFS, nhóm chuyên gia đã hỗ trợ Cục Trồng trọt xác định hiệu quả chuyển đổi đất lúa (chủ yếu sang nuôi trồng thủy sản) tại một số tỉnh ven biển ở ĐBSCL, phát hiện các tồn tại và đề xuất phương án chuyển đổi phù hợp với các kịch bản của nước biển dâng và xâm nhập mặn cũng như thời tiết cực đoan (hạn, lũ...). Chuyển công tác cũng bước đầu tìm hiểu kết quả triển khai Quyết định số 1915/QĐ-BNN-KH, ngày 28/05/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt “Đề án phát triển sản xuất lúa vùng Đồng bằng sông Cửu long đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong điều kiện

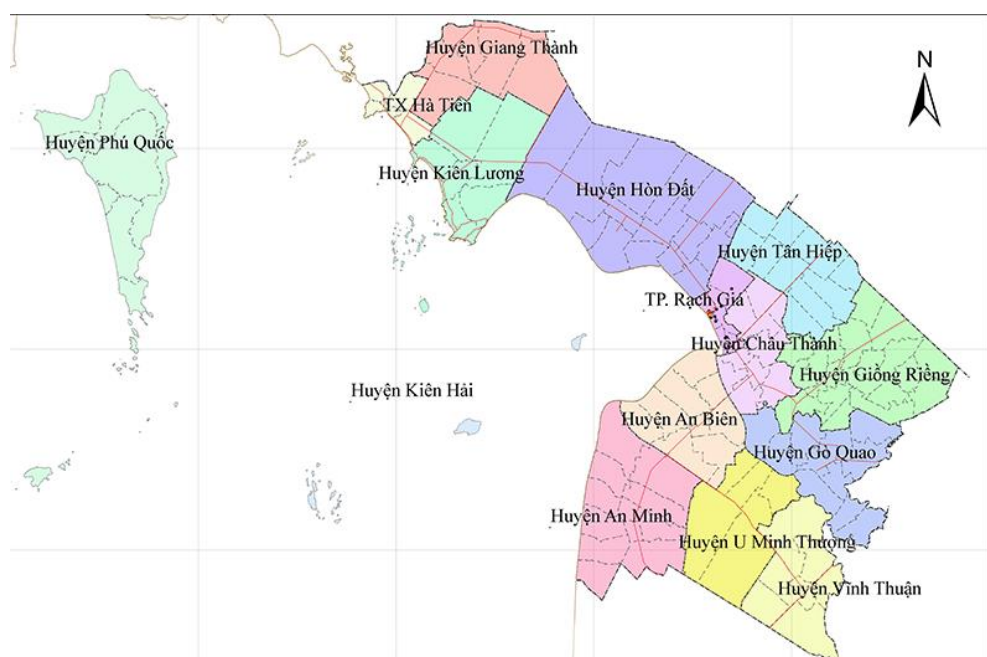
biến đổi khí hậu”. Đợt khảo sát diễn ra từ ngày 11 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018, tại các tỉnh: Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu và Sóc Trăng (Thành phần đoàn và đối tác làm việc ghi ở Phụ lục 5 và 6).

2.2. Phương pháp

Phương pháp thu thập thông tin được sử dụng chính trong chuyến khảo sát là thông qua thảo luận nhóm. Các cuộc họp tham vấn được tổ chức ở từng tỉnh, mỗi cuộc họp có sự tham gia của nhóm chuyên gia từ các viện nghiên cứu quốc tế, trong nước, lãnh đạo và chuyên viên Cục Trồng trọt, cùng đại diện các Chi cục Trồng trọt BVTV, Thủy lợi, Trung tâm Khuyến nông tỉnh, và các phòng chức năng của Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh. Các phiên thảo luận nhóm tập trung vào một số thông tin chính: (1) cập nhật tiến độ chuyển dịch đất lúa kém hiệu quả theo thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT của Bộ NN và PTNT; (2) các loại hình thiên tai và ảnh hưởng của BĐKH tại từng tỉnh, khoanh vùng khu vực bị ảnh hưởng; và (3) các biện pháp chuyển đổi, khoa học công nghệ phù hợp cho các tiểu vùng theo từng kịch bản. Sau mỗi cuộc thảo luận với cán bộ Sở Nông nghiệp và PTNT, nhóm công tác có tổ chức các chuyến khảo sát thực địa nhằm mục đích quan sát thực tế, phỏng vấn và trao đổi thông tin với cán bộ nông nghiệp và nông dân ở địa phương về tình hình chuyển đổi nông nghiệp cũng như ghi nhận các mô hình chuyển đổi có tiềm năng.

III. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

KIÊN GIANG



Hình 1: Bản đồ hành chính tỉnh Kiên Giang (<https://www.kiengiang.gov.vn/>)

Tình hình chuyển đổi đất lúa tại Kiên Giang

Kiên Giang là tỉnh có diện tích gieo trồng lúa lớn nhất cả nước với 724,81 ngàn ha, sản lượng 4,056 triệu tấn (2017). Tuy nhiên sản xuất lúa hiệu quả thấp, do vậy UBND tỉnh đã ban hành Quyết định

41/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 01 năm 2017 Điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp - nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Trong chuyển đổi sản xuất lúa của Kiên Giang, việc chuyển đổi sang cây ăn trái hầu như không đáng kể và chuyển đổi sang cây màu cũng không thực hiện được trên diện rộng do không có đầu ra, vì vậy chuyển đổi sản xuất lúa ở Kiên Giang chú trọng chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng nâng cao hiệu quả, chất lượng cao với các mô hình sản xuất luân canh lúa - màu, lúa - tôm, lúa - cá với các mục tiêu cụ thể như sau:

a) Từ nay đến năm 2020

- Cơ cấu GTSX: Nông nghiệp 49,1%, lâm nghiệp 0,5% và thủy sản 50,4%
- Năm 2020, sản lượng lúa đạt khoảng 5 triệu tấn; sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 755.505 tấn (trong đó, nuôi trồng khoảng 265.505 tấn, riêng nuôi tôm đạt 80.000tấn).
- Giá trị sản lượng (GTSL) bình quân trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 130 triệu đồng, trong đó: GTSL bình quân trồng trọt đạt 100 triệu đồng/ha.

b) Đến năm 2030

- Cơ cấu GTSX: Nông nghiệp 41,1%, lâm nghiệp 0,5% và thủy sản 58,4%
- Năm 2030, sản lượng lúa đạt khoảng 4,96 triệu tấn. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 800.000-840.000 tấn (trong đó, nuôi trồng khoảng 320.000-340.000 tấn, riêng nuôi tôm nước lợ đạt khoảng 150.000-155.000 tấn).
- GTSL bình quân trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 170-200 triệu đồng

	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thủy sản
Năm 2015	57.0%	0.5%	42.5%
Quy hoạch đến 2020	49.1%	0.5%	50.4%
Quy hoạch đến 2030	41.1%	0.5%	58.4%

Phần lớn các giống lúa sử dụng ở Kiên Giang là giống chất lượng cao, trong đó có một số giống chịu mặn khá, tuy chưa đạt mức trên 4‰. Hiện nổi lên có giống ĐS1 (japonica) được trồng trên diện tích khoảng 70.000 ha ở các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên do chịu mặn khá, có thể tham gia xuất khẩu. Tỷ lệ sử dụng giống lúa xác nhận đạt cao nhờ tình có Trung tâm giống hoạt động có hiệu quả. Ứng dụng máy cấy trong sản xuất lúa mới bắt đầu, còn một số trở ngại để mở rộng vì chi phí cấy bằng máy cao (giá máy cao, chi phí làm mạ cao).

Theo qui hoạch, tỉnh sẽ điều chỉnh giảm diện tích đất trồng lúa từ 395.820 ha năm 2015 xuống còn

382.829 ha vào năm 2020 (800.950 ha gieo trồng) và cơ bản ổn định đến năm 2030. Trong đó, phát triển 03 vụ lúa ở vùng Tây sông Hậu (TSH) và một phần vùng Tứ giác Long Xuyên (TGLX) thuộc địa bàn Tân Hiệp, Rạch Giá, phía Nam kênh Tri Tôn thuộc huyện Hòn Đất; phát triển 02 vụ lúa và 02 vụ lúa + 01 vụ màu (bắp, đậu nành, mè) và một ít lúa - tôm ở phần còn lại trên đất lúa ở vùng TGLX và lâu dài sau năm 2020 sẽ từng bước phát triển mô hình lúa - tôm ở khu vực phía Nam QL80 từ Rạch Giá đến Ba Hòn - Kiên Lương; vùng U Minh Thượng (UMT) sẽ bố trí lúa - tôm là chủ yếu (khoảng 17 ngàn ha), còn lại là 02 vụ lúa và 02 vụ lúa + 01 vụ màu (rau, màu thực phẩm). Trong 2 năm (2015 - 2017) tỉnh đã chuyển đổi đất chuyên trồng lúa sang sản xuất lúa - tôm 10.290 ha, cây hàng năm 940 ha và diện tích lúa vụ Mùa (lúa - tôm) sang chuyên nuôi thủy sản hơn 15.500 ha.

Tỉnh Kiên Giang cũng có chuyển đổi đất lúa sang sản xuất dừa (7.000-7.100 ha) chủ yếu ở 02 huyện Châu Thành và Gò Quao; Dừa khoảng 7.000ha. Diện tích rau khoảng 18.142ha và dự kiến năm 2030 đạt 25.000ha, chủ yếu phát triển rau luân canh trên đất 02 vụ lúa - màu thuộc vùng UMT. Các mô hình chuyển đổi đất lúa sang các cây trồng cạn như bắp, đậu nành, mè theo mô hình 02 vụ lúa + 01 vụ màu ở các huyện thuộc vùng TGLX chưa hiệu quả và khó mở rộng.

Tôm-lúa là mô hình chuyển đổi được phát triển nhanh nhất tại Kiên Giang và tăng nhanh qua từng năm. Cụ thể, năm 2014 diện tích tôm - lúa mới là 71.500ha thì đến năm 2017 đã tăng lên 89.000ha. Phần lớn diện tích nuôi tôm - lúa tập trung chủ yếu ở vùng U Minh Thượng (các huyện An Biên, An Minh, U Minh Thượng và Vĩnh Thuận), vùng này có diện tích nuôi khá cao (chiếm trên 90% tổng diện tích nuôi tôm - lúa của toàn tỉnh) và có nhiều thuận lợi về điều kiện tự nhiên đối với nghề nuôi tôm, đặc biệt là nuôi tôm - lúa. Cơ cấu tôm - lúa đã được cải tiến như một số nơi áp dụng cơ cấu tôm - lúa + tôm càng xanh (tôm càng xanh nuôi trong ruộng lúa) hoặc nuôi một vụ tôm càng xanh xen tôm thẻ (tôm xen tôm) với một vụ lúa. Vùng Tứ giác Long Xuyên, một số diện tích cơ cấu 3 vụ lúa đã chuyển sang 2 vụ lúa - cá (nuôi trên ruộng mùa nước nổi).

Qua khảo sát, mô hình canh tác tôm -lúa tại HTX Bàu Trâm, xã Nam Yên, H. An Biên và tại Ấp Ngã Bắc, xã Đông Hưng B, H. An Minh cho thấy cơ cấu này góp phần tăng thu nhập khá cao và hiệu quả. Thời vụ thả tôm từ tháng 2 đến tháng 3 dương lịch hàng năm khi có nước mặn về. Việc cải tạo ao/mương cũng không quá cầu kỳ, khi nước có độ mặn đạt yêu cầu (từ 5‰) là lấy vào mương. Sau khi lấy đầy nước, tiến hành xử lý (vôi nung), khi pH đạt 7,0 - 8,5 thì tiến hành thả giống, mật độ 1 con/m² và sau 3 tháng nuôi bắt đầu thu hoạch, năng suất có thể đạt từ 75 - 110 kg/ha, tôm cỡ 15 - 30 con/kg. Mặt khác, khi nuôi đợt đầu được 2 tháng thì nông dân bắt đầu thả nổi lúa tôm thứ hai và cứ thế “đánh tía thả bù”. Đợt tôm sau cách đợt tôm trước từ 2 - 3 tháng, lượng tôm thả bổ sung từ 50 - 70% tùy theo tỷ lệ sống của đàn tôm trước. Như vậy nông dân vùng này có thu nhập quanh năm, ước tính thu nhập từ tôm khoảng 40 triệu đồng/ha/năm.

Cây lúa trong mô hình này phổ biến là giống lúa mùa “Một bụi đỏ” gieo mạ và cấy một dảnh chạy dài dọc theo mé líp. Cây lúa tự nhiên phát triển mà không cần phải bón phân, xịt thuốc. Thời điểm gieo mạ là tháng 5 đến tháng 6 âm lịch và đến tháng 7 - 8 âm lịch thì mang ra cấy.

Mô hình chuyển đổi đất phèn chỉ trồng được tràm sang trồng hồ tiêu rất ấn tượng tại các huyện Gò Quao, Giồng Riềng và UMT và điển hình tại xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc (Gò Quao) có trên 153 ha diện tích trồng tiêu, diện tích cho trái 125 ha, năng suất bình quân 2,8 tấn/ha. Tổng sản lượng thu hoạch 280 tấn/năm.

Sử dụng CS MAP tại Kiên Giang

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể là Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh Kiên Giang khẳng định tầm quan trọng của bộ bản đồ rủi ro khí hậu, đặc biệt là bản đồ rủi ro xâm nhập mặn của tỉnh. Đây là cơ sở tốt để tỉnh có cái nhìn khái quát về các vùng có nguy cơ cao, giúp cho việc quy hoạch chuyển đổi cây trồng của tỉnh có cơ sở khoa học vững chắc hơn. Bộ bản đồ về thời vụ xuống giống các vụ lúa cho tỉnh được trình bày tại Hội nghị Sơ kết vụ Hè Thu 2018 cũng có thể được tham khảo để phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu cũng như thời vụ gieo trồng trong các năm có xảy ra thiên tai hạn hán. Một số khó khăn của tỉnh trong việc áp dụng bộ bản đồ là năng lực của đội ngũ cán bộ công chức của Sở và Chi cục còn hạn chế, không đủ đáp ứng nhu cầu cập nhập những thay đổi về hiện trạng sản xuất lúa (bản đồ hiện trạng cây trồng), thay đổi về cơ sở hạ tầng thủy lợi phòng chống thiên tai (hệ thống đê bao, cống ngăn mặn, v.v...). Nguyên vọng của tỉnh Kiên Giang là được tăng cường năng lực về công tác xây dựng bản đồ, đào tạo một số cán bộ nòng cốt của Chi cục Thủy lợi và Chi cục Trồng trọt BVTV để có thể tận dụng tốt hơn các bộ bản đồ rủi ro và bản đồ thời vụ.

Nhận xét chung về Kiên Giang

Có nhiều mô hình chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây màu, nuôi trồng thủy sản hoặc lúa-thủy sản (nhất là tôm). Tuy nhiên, phù hợp nhất vẫn là mô hình Lúa-tôm. Kiên Giang là tỉnh có diện tích tôm - lúa lớn nhất ở ĐBSCL. Các cơ cấu sản xuất lúa - thủy sản nay xuất hiện nhiều mô hình mới, đa dạng, thu nhập cao cần được tổng kết để có hướng mở rộng.

Diện tích lúa vụ thu đông còn cao do nông dân tự phát trồng, tỉnh cần xác định vùng lúa thu đông bấp bênh để tuyên truyền nông dân không sản xuất hoặc chuyển vụ thu đông sang nuôi cá mùa nước nổi. Trong quy hoạch đến năm 2020 và 2030 của tỉnh, lúa thu đông vẫn còn chiếm diện tích lớn, vì vậy tỉnh có thể cân nhắc để có quy mô phù hợp với thích ứng BĐKH và nâng cao hiệu quả, chất lượng. Kiên Giang còn diện tích lúa mùa (giống địa phương), vì vậy cần có chương trình phục tráng chọn thuần các giống này .

Các mô hình chuyển đổi thích ứng BĐKH phù hợp cho tỉnh Kiên Giang

(i) Đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển nuôi tôm nước lợ thông qua việc hình thành vùng chuyên nuôi tôm nước lợ ở TGLX, thuộc các huyện Giang Thành, Kiên Lương, thị xã Hà Tiên, một phần ở Hòn

Đất và UMT thuộc huyện An Biên, An Minh và ở Vĩnh Thuận. Phát triển mạnh mô hình tôm - lúa ở UMT. Quy mô diện tích nuôi tôm nước lợ đến năm 2020 khoảng 104.325ha, trong đó: Nuôi thâm canh - bán thâm canh (TC-BTC) 5.000ha, nuôi quảng canh cải tiến (QCCT) 19.325ha và tôm - lúa 80.000ha; đến năm 2030 khoảng 132.300ha, trong đó: Nuôi TC-BTC 15.380ha, nuôi QCCT 16.550ha và tôm - lúa 100.370ha.

(ii) Tỉnh cũng nên quan tâm nuôi các loại thủy sản khác như: Nuôi cá kết hợp trong rừng (UMT), trong ruộng lúa và nuôi chuyên khoảng 35.000ha. Nuôi nhuyễn thể ở các vùng bãi triều khoảng 16.800ha. Nuôi cua biển kết hợp trong ruộng tôm và nuôi chuyên khoảng 60.000ha. Nuôi cá lồng, vèo đạt khoảng 3.000 lồng ở các khu vực ven biển, ven đảo. Nuôi thủy đặc sản: Quy mô diện tích khoảng 100 ha năm 2020.

(iii) Mô hình chuyển đổi đất lúa sang trồng hồ tiêu cần được đánh giá tổng thể. Có 2 điểm đặc biệt, hồ tiêu có thể trồng trên đất phèn và cây trụ (choái) có thể sử dụng ngay cây tràm vốn rất thích nghi với đất phèn (không cần trụ gỗ hay bê-tông như ở nhiều nơi phải sử dụng). Chất lượng hồ tiêu tại Vĩnh Hòa Hưng Bắc đã được khẳng định trên thị trường, song nếu được chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể thì hiệu quả sẽ cao hơn.

Trong các giải pháp thực hiện tái cơ cấu, Kiên Giang cần ưu tiên cho hình thành các vùng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn gắn với sự tham gia của các doanh nghiệp để liên kết trong sản xuất, thu mua và tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng phát triển kinh tế trang trại, kinh tế tập thể theo mô hình hợp tác xã kiểu mới; liên kết các hộ nông dân sản xuất thành các câu lạc bộ, tổ hợp tác và hình thành hợp tác xã để có thể liên kết tốt với các doanh nghiệp cung ứng đầu vào và thu mua sản phẩm đầu ra.

Hiện nay, ngoài giống lúa địa phương “Một bụi đỏ” thích hợp trong mô hình Lúa-Tôm, thì giống lúa hạt tròn ĐS1 cũng rất phù hợp cho mô hình canh tác này. Tuy nhiên, do giống mới chỉ được công nhận tại các tỉnh phía Bắc, vì vậy đoàn công tác đề nghị Cục Trồng trọt sớm làm thủ tục công nhận giống ĐS1 tại các tỉnh phía Nam, tạo điều kiện cho các địa phương nhân nhanh giống lúa này.

Đề nghị của tỉnh liên quan đến mục tiêu khảo sát

- Cục Trồng trọt nhanh chóng công nhận giống lúa ĐS1
- Hỗ trợ chi phí cho chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, nông sản hữu cơ Cơ giới hoá trồng lúa ở ruộng tôm, nhất là khâu thu hoạch cần được hỗ trợ hoàn thiện (các loại máy gặt đập lớn khó hoạt động trong ruộng tôm)
- IRRI/Cục Trồng trọt tập huấn cho Sở NN-PTNT và các huyện khai thác bộ Bản đồ rủi ro với BĐKH trong chỉ đạo sản xuất lúa.

CÀ MAU

Tình hình chuyển đổi đất lúa

Cà Mau là tỉnh không có nguồn nước ngọt, 3 mặt giáp biển, chịu ảnh hưởng bán nhật triều ở biển Tây và nhật triều ở biển Đông. Cà Mau là địa phương có diện tích nuôi tôm lớn nhất nước, khoảng trên 280.000 ha. Sản phẩm chủ lực của Cà Mau gồm tôm, cua, lúa chất lượng cao và gỗ. Ngoài ra, Cà Mau có diện tích chuối 5.000 ha, có khả năng phát triển chuối hữu cơ.

Diện tích gieo trồng lúa 84.000 ha, trong đó lúa 2 vụ 36.000 ha (có bờ bao giữ nước ngọt), vùng lúa này ổn định, không bị lấn bởi lấy nước mặn nuôi tôm. Diện tích gieo trồng lúa còn lại chủ yếu luân canh với tôm (tôm - lúa), khoảng 40.000 ha. Cà Mau không có cơ cấu 3 vụ lúa.

Cà Mau là tỉnh tiếp thu nhanh giống lúa ST24 đưa vào sản xuất, diện tích năm 2018 lên 10.000 ha, làm biến đổi nhanh chóng cơ cấu giống lúa của tỉnh (giống ST chiếm diện tích 28%, RVT - 14%, OM5451 - 20%, OM18 - 12%).

Cà Mau trước đây có các giống lúa mùa đặc sản như Tài nguyên, Tép hành, Một bụi, nhưng nay không còn trồng nữa, do vậy rất nên có kế hoạch bảo tồn các giống lúa bản địa quý hiếm này.

Những khó khăn trong sản xuất Nông nghiệp và ứng phó với BĐKH bao gồm: xói lở bờ biển và đe dọa sông; hiện tượng lún sụt do khai thác nước ngầm quá mức; ngập úng do bão và triều cường (hàng năm khoảng 30-40 ngàn ha bị ảnh hưởng); xâm nhập mặn, hạn hán; và việc thiếu hụt nguồn nước mặt ngọt phục vụ cho canh tác.

Căn cứ các đề án tái cơ cấu ngành, UBND tỉnh Cà Mau đã có Quyết định phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành ngư-nông-lâm nghiệp giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với mục tiêu nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng thông qua phát triển mô hình chuỗi giá trị liên kết các sản phẩm chủ lực, hình thành mô hình sản xuất xanh, sinh thái và bền vững.

Sau khi có chủ trương chuyển đổi cơ cấu sản xuất, Cà Mau đã tăng diện tích rau màu lên 6.000ha, cây ăn trái 7.231ha (riêng chuối, chủ yếu là chuối Xiêm, lên 5.568ha). Dừa cũng được phát triển khá, đạt 7.500ha. Việc chuyển đổi sản xuất lúa sang cây ăn trái, rau màu không đáng kể, trong đó phát triển cây màu khó khăn do không có đầu ra ổn định.



Thay đổi lớn nhất trong quá trình tái cơ cấu của Cà Mau là nuôi trồng thủy sản. Tổng diện tích nuôi tôm lên đến 280.000ha, trong đó có 10.000ha nuôi công nghiệp, siêu thâm canh 2.000ha. Mô hình rất hiệu quả của Cà Mau là hệ thống tôm-rừng tại Năm Căn với quy mô 24.000ha. Diện tích lúa-tôm cũng đạt 37.280ha (2018)

Khảo sát hộ ông Huỳnh Văn Đường (ấp Nhị Nguyệt, xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi) khi áp dụng quy trình nuôi tôm “tuần hoàn nước khép kín” của Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MTV Việt Mỹ cho thấy, ao nuôi diện tích 1.200 m² mang về lợi nhuận gần 800 triệu đồng/năm. Quy trình này không chỉ mang lại hiệu quả về kinh tế, mà khi nguồn nước được tận dụng lại không thải ra ngoài nên môi trường được đảm bảo.

Mô hình nuôi tôm siêu cao sản cũng đang được nhân rộng tại Cà Mau. Khảo sát hộ anh Nguyễn Thanh Hà (Ấp chống Mỹ, xã Hàm Rồng, H. Năm Căn) cho thấy, hộ có 5 ao nuôi, lát bạt theo mô hình 2 giai đoạn: Ương con giống trong môi trường có kiểm soát, nước thay hàng ngày 10-20%. Mỗi ao 2000m², phủ bạt HDPE. Theo chủ hộ, chi phí 250 triệu đồng/ao (>1 triệu đồng/1m²) và thu hoạch 3 lứa tôm/năm, sản lượng 10 tấn/2000m²/vụ. Các ao nuôi được xử lý và hút bùn ra hàng ngày, ao thiết kế có rón ao để thu gom chất thải...Mô hình này tuy đầu tư cao, song sản xuất rất bền vững và hiệu quả cao, chủ động từ khâu giống đến xử lý nước thải, bùn thải, vấn đề tồn tại lớn của các ao nuôi tôm thâm canh.

Sản xuất lúa hữu cơ cũng được Cà Mau quan tâm, tuy nhiên hiệu quả chưa cao. Mô hình lúa hữu cơ của công ty Viễn Phú (Green Farm) của ông Võ Minh Khải tại U Minh-Cà Mau, quy mô 317,5ha, song sản lượng hạn chế do không có thị trường ổn định, chi phí đăng ký chứng nhận quá cao so với khả năng của công ty, trong khi chưa có sự quan tâm thực sự của chính quyền các cấp.

Trong kế hoạch đến 2020, Cà Mau dự kiến đưa thêm các mô hình mới như sản xuất lúa thông minh với BĐKH: 15.000ha, Lúa mùa-cá đồng: 5.000ha, lúa-tôm càng xanh: 15.000ha. Mô hình tôm-rừng có thể tăng thêm 5.000ha lên 29.000ha

Sắp tới, Cà Mau sẽ tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng cho 6 ngành hàng sau: i) Lúa chất lượng cao; ii) Tôm sinh thái; iii) Keo lai; iv) Cua biển; v) Chuối và vi) Cá bổi U Minh

Riêng về sản xuất lúa chất lượng cao, từ nay đến 2020, tỉnh Cà Mau sẽ xây dựng vùng chuyên canh theo chuỗi giá trị quy mô 90.000 ha, đảm bảo tăng hiệu quả sản xuất lúa từ 20 – 30 % gồm: các nội dung: xây dựng vùng chuyên canh sản xuất lúa cao sản khoảng 36.500 ha; vùng sản xuất luân canh một vụ lúa trên đất nuôi tôm 46.000 ha; vùng sản xuất lúa mùa đặc sản 6.500 ha; vùng sản xuất lúa canh tác hữu cơ 1.000 ha; vùng sản xuất lúa theo hướng VietGap đến 10.000 ha.

Sử dụng CS MAP ở Cà Mau

Sở Nông nghiệp và PTNT cho rằng Cà Mau là địa phương chịu ảnh hưởng bởi BĐKH và nước biển dâng nghiêm trọng nhất khu vực ĐBSCL. Chế độ nhật triều và bán nhật triều trong tỉnh có thể dẫn tới những tác động của xâm nhập mặn khác so với các địa phương còn lại. Bộ bản đồ rủi ro cũng cần chú ý để thể hiện tác động này, nhằm xác định được các vùng có nguy cơ cao. Mặc dù Cà Mau không còn nhiều diện tích trồng lúa nhưng cách tiếp cận CS-MAP có thể được ứng dụng cho các ngành hàng nông nghiệp khác. Hiện nay, Cà Mau đã xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm và ứng dụng điện thoại thông minh nhằm theo dõi hoạt động sản xuất trồng trọt ở địa phương. Sở NN và PTNT Cà Mau khẳng định nếu có thể tích hợp các dự báo, cảnh báo về thiên tai vào phần mềm này sẽ góp phần giúp tỉnh thực hiện tốt việc phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH trong nông nghiệp. Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và PTNT Cà Mau cũng đề xuất có những hỗ trợ về kỹ thuật, tăng cường năng lực cho cán bộ phụ trách mảng trồng trọt, thủy lợi và phòng chống thiên tai các công cụ và phương pháp xây dựng bản đồ số.

Nhận xét chung về Cà Mau

Qua 4 năm thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh (Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 24/10/2014), bức tranh sản xuất nông nghiệp theo hướng giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngày một rõ nét hơn. Riêng ngành hàng tôm có đột phá lớn nhất. Nuôi tôm từ quảng canh truyền thống sang nuôi thâm canh và siêu thâm canh nên gần như toàn bộ các vụ nuôi đều thành công.

Tổng sản lượng thủy sản năm 2017 của tỉnh đạt trên 530.000 tấn, tăng 17% so với năm 2013 (năm trước khi thực hiện đề án), tăng bình quân 2,48%/năm. Trong đó, sản lượng nuôi thủy sản đạt 320.929 tấn, tăng 10,23% so với năm 2013, tăng bình quân 3,33%/năm. Không chỉ tăng diện tích, sản lượng mà loại hình nuôi của ngành kinh tế mũi nhọn này cũng không ngừng phát triển. Tiêu biểu như mô hình nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh, quảng canh cải tiến, quảng canh, tôm - lúa, tôm - rừng... Đồng thời còn tận dụng diện tích để nuôi kết hợp, nuôi luân canh, xen canh một số đối tượng khác như cá kèo, cá chẽm, cua, sò huyết...

Đặc biệt hơn, phương thức nuôi đã có nhiều chuyển đổi tích cực. So với năm 2013, diện tích nuôi tôm công nghiệp toàn tỉnh năm 2017 đạt 9.875 ha, tăng gấp 1,65 lần; diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến đạt 102.689 ha, tăng 2,65 lần và diện tích tôm sinh thái có chứng nhận đạt 19.000 ha, tăng 1,58 lần; riêng nuôi tôm siêu thâm canh với diện tích hiện nay trên 1.442 ha, năng suất bình quân từ 40-50 tấn/ha diện tích mặt nước nuôi/vụ.

Sản xuất tôm-lúa là mô hình phổ biến tại Cà Mau và có lúc tỉnh đã qui hoạch mô hình này lên 90.000 ha (Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 19/11/2001 về Điều chỉnh qui hoạch sản xuất ngư-nông-lâm nghiệp tỉnh Cà Mau giai đoạn 2001-2010). Tuy nhiên, do hệ thống thủy lợi cho nuôi tôm chưa được

đáp ứng, hệ thống quan trắc môi trường chưa đủ năng lực cảnh báo kịp thời, lại do Cà Mau là tỉnh duy nhất không có nguồn nước ngọt từ bên ngoài mà 100% là nước ngọt nội sinh nên rất khó khăn cho sản xuất nông nghiệp nói chung và nuôi tôm nói riêng trong những năm hạn. Thêm nữa, chất lượng giống lúa phù hợp cho mô hình này chưa được xác định.

Không chỉ có con tôm, 4 ngành hàng chủ lực (chuối, cua, gỗ và gạo chất lượng cao) còn lại trong đề án đang có nhiều chuyển biến khả quan, do vậy, UBND tỉnh đã điều chỉnh kế hoạch tái cơ cấu sản xuất cho 4 ngành hàng là: chuối, cua biển, gỗ và lúa chất lượng cao (Quyết định 841/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 5 năm 2018)

Với cua, sau khi xây dựng nhãn hiệu tập thể cua Năm Căn thì loại vật nuôi này đã không ngừng tăng diện tích và sản lượng qua từng năm. Đến nay, đã có 250.131 ha nuôi cua xen canh với các loại hình tôm quảng canh, quảng canh cải tiến, tôm - lúa, tôm - rừng... với sản lượng đạt trên 20.053 tấn, tăng 18% so với năm 2013 (diện tích khoảng 240.000 ha, sản lượng 17.000 tấn).

Với chuối, tuy chỉ chiếm 2,72% tổng giá trị sản xuất trồng trọt và 0,24% tổng giá trị sản xuất toàn ngành Nông nghiệp, song cây chuối lại có vị trí tiềm năng rất cao do đây là giống bản địa, đặc sản lại được trồng tự nhiên, đáp ứng yêu cầu cho cả ăn tươi và chế biến nên thị trường tốt.

Riêng về sản xuất lúa chất lượng cao, đến 2020 tỉnh Cà Mau hướng đến mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất lúa từ 20 – 30 % so với năm 2015; tăng sức cạnh tranh, thu nhập cho người dân, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững; từng bước hình thành vùng nguyên liệu chuyên canh lúa có sản lượng lớn cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Theo đó, tỉnh sẽ xây dựng vùng chuyên canh sản xuất lúa chất lượng cao theo chuỗi giá trị quy mô 90.000 ha, sản lượng đạt 641.000 tấn, trong đó xây dựng vùng chuyên canh sản xuất lúa cao sản khoảng 36.500 ha; vùng sản xuất luân canh một vụ lúa trên đất nuôi tôm 46.000 ha; vùng sản xuất lúa mùa đặc sản 6.500 ha; vùng sản xuất lúa canh tác hữu cơ 1.000 ha; vùng sản xuất lúa theo hướng VietGap đến 10.000 ha.

Phát triển nông nghiệp theo hướng chuỗi giá trị là mục tiêu mà địa phương đang nỗ lực thực hiện. Đến nay đã có 22 doanh nghiệp ký kết 61 lượt hợp đồng hợp tác phát triển chuỗi giá trị ngành hàng tôm với 15 HTX, THT gồm 800 hộ, với tổng diện tích 1.323,3 ha để cung ứng vật tư đầu vào và xây dựng vùng nguyên liệu nuôi tôm có chứng nhận quốc tế, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tỉnh tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái cơ cấu 5 ngành hàng chủ lực của tỉnh theo hướng tập trung vào 4 nội dung: Hợp tác - Liên kết - Thương hiệu - Thị trường. Nhờ vậy, 4 năm qua đã có 19.000 ha tôm - rừng của 4.200 hộ được chứng nhận (bao gồm cả diện tích rừng); hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản để họ xây dựng vùng nuôi tôm thâm canh có chứng nhận quốc tế ASC, BAP với tổng diện tích 675 ha/552 hộ; hỗ trợ các hộ nuôi tôm thực hành theo tiêu chuẩn VietGAP, đã đánh giá và cấp chứng nhận VietGAP cho 99 hộ/100 ha...

Là tỉnh địa đầu của tổ quốc, lại chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển

dâng, chính phủ cần tiếp tục hỗ trợ Cà Mau trong xây dựng cơ sở hạ tầng ứng phó với BĐKH, đặc biệt là chống sạt lở bờ biển, đê sông, vấn đề sụt lún, chống xâm nhập mặn và ngập lụt do triều cường.

Các mô hình chuyển đổi thích ứng BĐKH phù hợp cho tỉnh Cà Mau

Qua khảo sát, các mô hình thích ứng BĐKH của tỉnh nên tập trung là: sản xuất tôm-lúa hữu cơ/sinh thái, tôm-rừng có chứng nhận tại vùng mặn. Các mô hình này hoàn toàn có thể theo hướng hữu cơ, giá trị gia tăng cao. Tỷ lệ sản phẩm hữu cơ cần tăng nhanh. Ngoài ra, các mô hình tôm siêu thâm canh, tuần hoàn nước cũng cần quan tâm đầu tư. Sản phẩm ưu tiên như chuối cần xem xét nhu cầu thị trường trước khi đầu tư mở rộng. Vùng lúa 2 vụ có khả năng gặp rủi ro trong điều kiện thời tiết cực đoan (hạn) nên tỉnh cần có phương án thích nghi. Giống lúa ST24 đã được Hội đồng công nhận giống thông qua, đề nghị Cục Trồng trọt công nhận đặc cách.

Kiến nghị của tỉnh Cà Mau

- Tỉnh đã làm quy hoạch cho các hợp phần của Nông nghiệp, nhưng quy hoạch tổng thể cho ngành NN phải dừng lại theo luật Quy hoạch;
- Ngân sách trung ương đầu tư để hoàn thiện đê biển, và các công trình thủy lợi trọng yếu (tỉnh đã có danh mục);
- UBND Tỉnh Cà Mau đẩy nhanh tiến độ phê duyệt đề án nuôi tôm của tỉnh do Sở NN&PTNT đề xuất;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận đặc cách giống lúa ST24 (đã phát triển rộng trong sản xuất) và bổ sung vào dự án giống lúa XK tỉnh đang thực hiện (dự án này do Cục Trồng trọt chủ trì);
- Vấn đề bản quyền giống lúa, tỉnh gặp khó khăn trong nhân giống do vấn đề bản quyền (các công ty lớn nắm) tạo nên sự khan hiếm giống ở địa phương.

BẠC LIÊU



Hình 3. Bản đồ hành chính tỉnh Bạc Liêu (baclieu.gov.vn)

Tình hình chuyển đổi đất lúa tại Bạc Liêu

Với hai vùng sinh thái rõ rệt: vùng mặn và vùng ngọt, nên Bạc Liêu thuận tiện cho phát triển con tôm nước lợ và cây lúa. Tổng diện tích gieo trồng lúa của tỉnh là 183.023ha, diện tích nuôi trồng thủy sản (NTTS) là 138.934ha, trong đó, 21.182ha nuôi tôm sú, tôm thẻ siêu thâm canh, thâm canh và bán thâm canh; 500ha quảng canh cải tiến chuyên tôm; 33.747ha nuôi thủy sản trên đất tôm - lúa. Đặc biệt, tỉnh có 79.140ha tôm quảng canh cải tiến kết hợp cua, cá cung cấp cho thị trường xuất khẩu hàng ngàn tấn tôm, cua, cá sạch. Sản phẩm chủ lực gồm (tôm sú, thẻ, cua biển, nhuyễn thể; lúa, gạo, muối). Vùng sản xuất NN của Bạc Liêu đã ổn định với 3 tiểu vùng gồm tiểu vùng giữ ngọt ổn định (sinh thái ngọt), tiểu vùng chuyển đổi sản xuất phía Bắc Quốc lộ 1A (sinh thái lợ) và vùng phía Nam Quốc lộ 1A (sinh thái mặn). Bạc Liêu khác với Cà Mau là có nguồn nước ngọt từ sông Hậu vì vậy đã ổn định vùng giữ ngọt cho sản xuất lúa (2-3 vụ) với diện tích gieo trồng trên 150.000 ha; vùng nước lợ cơ cấu tôm - lúa khoảng 33.000 ha. Tổng diện tích gieo trồng lúa của tỉnh 180.000 ha sản lượng khoảng 1 triệu tấn (bằng một nửa Sóc Trăng). Các giống lúa chủ yếu ở Bạc Liêu gồm Nàng hoa 9, Đài thơm 8, OM5451, RVT, Lộc trời 1, OM4900, ĐS 1 đều là các giống có chất lượng cao. Ngoài ra, Bạc Liêu còn duy trì giống lúa mùa địa phương chịu mặn là Một bụi đỏ và Tài Nguyên với diện tích khoảng 30.000 ha. Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT, diện tích sử dụng giống lúa xác nhận chiếm 63%, diện tích có bao tiêu 45.000 ha. Diện tích trồng các loại cây thực phẩm chỉ chiếm 14.076 ha.

Năm 2017, tổng sản lượng nuôi trồng và khai thác hải sản của tỉnh đạt 322.650 tấn (tăng 24,37% so với năm 2012) trong đó sản lượng tôm 129.745 tấn (tăng 40,06% so với năm 2012), cá và thủy sản khác 192.905 tấn (tăng 15,65% so với năm 2012); tổng sản lượng lúa 1.077.848 tấn (tăng 9,23% so với năm 2012); sản lượng muối 36.096 tấn (giảm 51,02% so với năm 2012).

Do đặc thù như trên nên đoàn công tác chỉ tập trung khảo sát các mô hình nuôi tôm với các mức độ công nghệ khác nhau.

Tại tập đoàn Việt Úc (Trại giống 102ha và Cơ sở sản xuất tôm 315ha; ấp Giồng Nhân, xã Hiệp Thành, TP Bạc Liêu), công ty đã đầu tư khu phức hợp sản xuất tôm chất lượng cao, siêu thâm canh trong nhà màng. Đặc biệt, tại đây còn đang thử nghiệm nhà màng công nghệ hơi (2.000m²) với thiết kế đơn giản, có thể điều chỉnh độ cao tránh gió, bão. Công nghệ này có tiềm năng mở rộng cho sản xuất trong ngành trồng trọt (hoa, nấm, rau...)

Hiện nay, với công nghệ nổi trội, Việt – Úc cung cấp lượng giống đạt 50% thị phần tôm giống cả nước với 9 công ty giống quy mô lớn trải dài từ Quảng Ninh, Nghệ An, Bình Định, Bình Thuận, Bến Tre, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Cà Mau với tổng công suất trên 50 tỷ Post/năm. Về nuôi tôm thương phẩm, Việt-Úc có thể sản xuất thâm canh với vòng đời của tôm thẻ chân trắng chỉ 90 ngày, khối lượng đạt 34 con/kg.

Thuyết phục hơn chính là thành công từ chương trình nuôi tôm Việt Úc được triển khai đầu tiên tại chi nhánh công ty tại xã Vĩnh Thịnh (huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu) với diện tích 50 ha, đối tượng nuôi chính là tôm thẻ chân trắng. Theo đó, diện tích thả nuôi gần 21 ha với 70 ao nuôi, cho ăn hoàn toàn tự động. Sau hơn ba tháng nuôi với mật độ 200 – 500 con/m², tôm nuôi phát triển tốt, năng suất đạt 2-4 tấn/ao, tương đương 40-80 tấn/ha/vụ (120 -140 tấn/ha/năm). Mô hình này, ngoài hiệu quả kinh tế cao còn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không chất thải, không chất kháng sinh giúp xuất khẩu vào bất kỳ thị trường nào khó tính nhất; Ngoài ra, với mô hình này còn có thể truy xuất nguồn gốc tôm.

Ngoài tập đoàn Việt-Úc, tại Bạc Liêu còn nhiều doanh nghiệp nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao như Công ty TNHH Hải Nguyên (xã Vĩnh Trạch Đông) với 10ha nuôi trong nhà màng và 50 ha ngoài trời; Công ty TNHH Trúc Anh (xã Vĩnh Trạch) với 20 ha siêu thâm canh hay công ty TNHH Huy Long An, diện tích 25ha. Ngoài doanh nghiệp, một số hộ dân cũng đầu tư nuôi tôm công nghệ cao như hộ ông Tạ Hoàng Nhiệm (Long Điền Đông, huyện Đông Hải) với 500m² ao; Hộ ông Trần Chí Hiếu (Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình) với 1.200m² ao...

Cũng với nuôi thâm canh, Bạc Liêu cũng quan tâm đầu tư cho nuôi tôm sinh thái kết hợp tôm-rừng với tổng diện tích (năm 2018) đạt 79.000 ha với năng suất tôm bình quân 0,41 tấn/ha, năng suất cá 0,38 tấn/ha. Mô hình tôm lúa đạt 33.747 ha với năng suất tôm trung bình 0,23 tấn/ha, năng suất cá 0,27 tấn/ha...

Về sản xuất lúa gạo, tỉnh tập trung cho lúa chất lượng cao theo chuỗi giá trị. Trong giai đoạn 2013-2017, tỉnh đã tổ chức liên kết sản xuất được 51.706 ha. Hình thức liên kết hiệu quả nhất được áp dụng là: Công ty/doanh nghiệp cung ứng giống, bán trả chậm một phần hay toàn bộ vật tư, hỗ trợ tập huấn kỹ thuật và quan trọng nhất, có tính quyết định là cam kết bao tiêu sản phẩm với giá cao hơn thị trường tại thời điểm bán.

Tuy nhiên, các nhà quản lý cũng đưa ra những cảnh báo về nguy cơ và thách thức với ngành tôm trong tương lai bởi thị trường nhập tôm chủ yếu là các nước giàu có với yêu cầu tiêu chuẩn cao. Không chỉ chất lượng sạch – ngon mà cả những tiêu chí đi kèm cũng rất đáng chú ý như sản xuất tôm có tàn phá môi trường không, hiệu quả sử dụng nước như thế nào.

Sử dụng CS MAP tại Bạc Liêu

Là một tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, cụ thể là xâm nhập mặn, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bạc Liêu nhận thức rõ tầm quan trọng của việc xác định các khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là các khu vực canh tác lúa và xây dựng các biện pháp thích ứng. Việc tham gia vào xây dựng bản đồ rủi ro hạn mặn và kế hoạch thích ứng ở Bạc Liêu đã giúp cho đội ngũ cán bộ Chi cục Trồng trọt và BTVT, Chi cục Thủy lợi có thêm thông tin cụ thể về các vùng chịu rủi ro và mức độ rủi ro, cũng như các phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng và lịch thời vụ. Tuy nhiên, hệ thống máy tính của các phòng ban, đơn vị không có phần mềm để đọc và chỉnh sửa, cập nhật bản đồ. Điều này cũng gây ra một số khó khăn trong việc ứng dụng CS MAP tại tỉnh. Về cơ bản, các cán bộ Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bạc Liêu nắm được phương pháp xây dựng và cách thức ứng dụng CS MAP trong chỉ đạo sản xuất ứng phó với BĐKH.

Nhận xét chung về Bạc Liêu

Bạc Liêu có thể mạnh vượt trội về nuôi trồng thủy sản, cả nuôi công nghệ cao, thâm canh, siêu thâm canh với hệ thống giống tại chỗ nên chủ động sản xuất. Các mô hình nuôi tôm đã chứng minh tính hiệu quả cao so với các ngành hàng khác.

Tuy nhiên, do hiệu quả cao nên nhiều người đầu tư không theo quy hoạch, kinh nghiệm thiếu nên rủi ro cũng rất cao. Đã hơn 10 năm thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng chuyển một phần diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang mô hình sản xuất xen canh lúa- tôm, nhưng đến nay nông dân Bạc Liêu vẫn còn loay hoay lo chạy giống, thiếu nước ngay cả trên vựa lúa, thậm chí giữa mùa mưa.

Theo lịch thời vụ, trong tháng 9 Bạc Liêu phải xuống giống dứt điểm 100% diện tích lúa trên đất nuôi tôm. Nhưng hiện nay, nơi đủ nước ngọt để gieo cấy lúa thì nông dân không tìm ra lúa giống, nơi có giống thì lại thiếu nước ngọt, độ mặn còn quá cao, cây lúa không thể sống được. Nghịch lý này đã tồn tại nhiều năm qua, nhưng ngành nông nghiệp chưa tìm ra giải pháp tháo gỡ. Hậu quả là nhà nông phải tự tìm giống, tìm nước mà duy trì sản xuất nên hiệu quả không cao.

Đề xuất về hướng phát triển lúa của tỉnh là phù hợp và tích cực, nhất là có định hướng đối với phát triển lúa mùa đặc sản và lúa hữu cơ. Tuy nhiên, Bạc Liêu cần xem xét diện tích của cơ cấu 3 vụ lúa, còn 30.000 ha để có thể giảm lúa thu đông ở nơi sản xuất rủi ro hiệu quả thấp. Việc chọn thuần các giống lúa mùa địa phương là cần thiết, tỉnh cần hợp tác với viện trường để thực hiện.

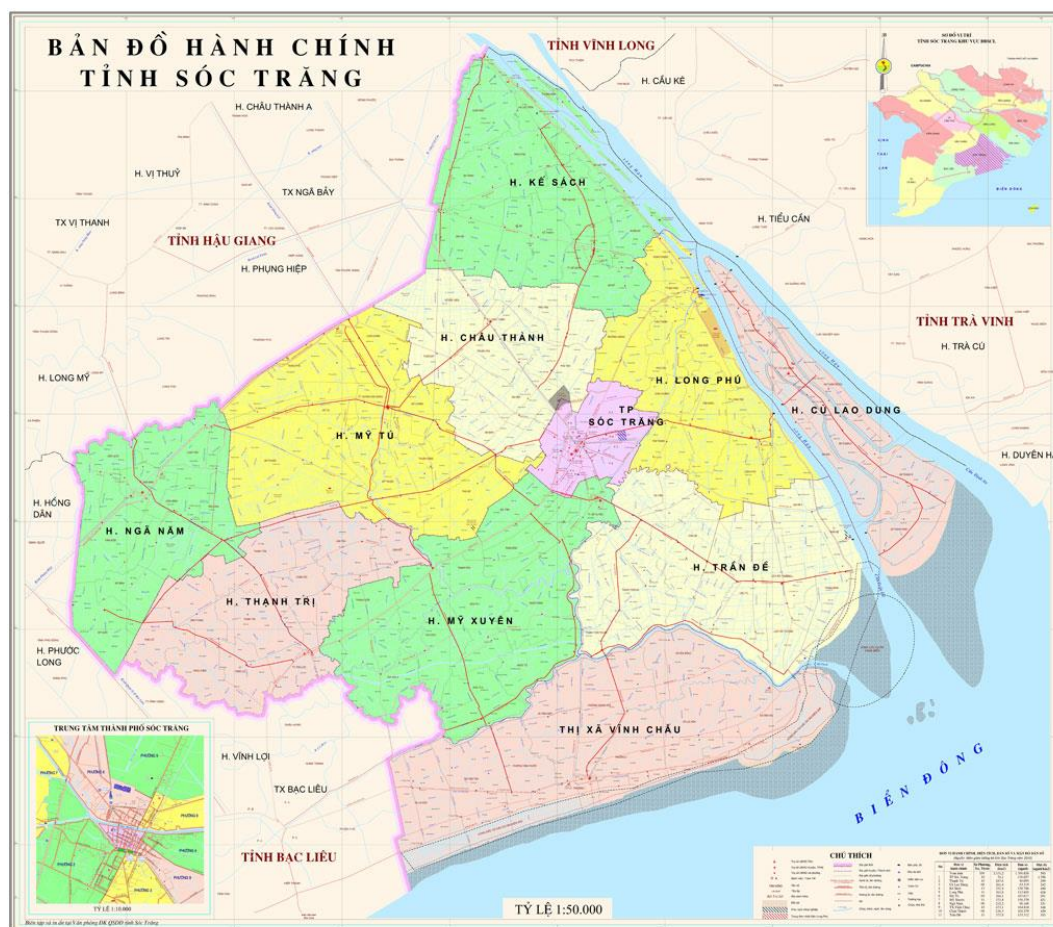
Các mô hình chuyển đổi thích ứng BĐKH phù hợp cho tỉnh Bạc Liêu

Có lẽ đưa các mô hình đã khảo sát ở trên liên quan đến sản xuất tôm, tôm lúa. Đề nghị anh Tảo và anh Tùng giúp bổ sung phần này

Đề nghị của tỉnh

- Tỉnh có chủ trương giữ ổn định diện tích đất chuyên trồng lúa 58.800 ha (gieo lúa chất lượng cao 70.000 ha và lúa thơm 85.000 ha) trồng và diện tích tôm - lúa 38.000 ha. Diện tích lúa đặc sản địa phương 25.000 ha, bao gồm 2 giống lúa Tài nguyên và Một bụi đỏ 15.000 ha, trong đó sản xuất lúa hữu cơ 10.000 ha. Do vậy, Bộ Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ quy hoạch hệ thống thủy lợi phù hợp cho các mục tiêu trên
- Cần có giống lúa mới chịu mặn cao hơn các giống đang trồng hiện nay.

SÓC TRĂNG



Hình 4. Bản đồ hành chính tỉnh Sóc Trăng (soctrang.gov.vn)

Tình hình chuyển đổi đất lúa tại Sóc Trăng

Sóc Trăng là tỉnh nằm cuối nguồn sông Hậu, sản xuất nông nghiệp được xem là ngành chính, do vậy, trước thực trạng nước ngọt từ thượng nguồn đổ về ngày càng ít, mặn xâm nhập mạnh, tình trạng xói lở, sự thay đổi dòng chảy sẽ làm đảo lộn cơ cấu sản xuất truyền thống và đời sống, sinh hoạt của người dân. Vì vậy, việc tìm ra biện pháp để chủ động thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, tìm ra cơ cấu sản xuất đặc thù cho cả 3 vùng mặn, lợ, ngọt là rất cần thiết.

Tại Sóc Trăng, đoàn công tác tập trung khảo sát chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác. Các mô hình nuôi trồng thủy sản, tôm-lúa đã được đánh giá tại Kiên Giang, Cà Mau và Bạc Liêu nên không được xem xét tại tỉnh này.

Trong quá trình xây dựng đề án, ngành nông nghiệp đã xác định các vùng sản xuất trọng điểm, lựa chọn các cây, con giống chủ lực là: lúa, mía, hành tím, cây ăn trái, tôm, cá tra, artemia, bò sữa, gia cầm và trồng rừng phòng hộ ven biển. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, do vấn đề thị trường và hiệu quả kém nên cây mía đã dần bị thay thế bởi các cây trồng khác. Các mô hình chuyển đổi hiệu

quả cao gồm: hành tím hữu cơ (Vĩnh Châu), lúa thơm - tôm sạch (Mỹ Xuyên), cam sành - bưởi da xanh (Kế Sách) hay mô hình trồng măng cầu gai (TX. Ngã Năm), nhãn Idor trên đất mía...

Điển hình như huyện Trần Đề, sau 2 năm triển khai Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp”, địa phương này đã chuyển đổi được 1.400ha đất lúa kém hiệu quả sang trồng cỏ, trồng bắp lấy thức ăn chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Diện tích lúa thơm hiện nay chiếm 94% diện tích lúa toàn huyện, nghề nuôi tôm 3 năm nay liên tục mang lại hiệu quả cao.

Vốn là vùng sản xuất hành tím truyền thống, nông dân Vĩnh Châu đã chuyển sang trồng hành tím ăn tươi (gồm cả củ non là lá thay vì chỉ lấy củ) đã giúp giảm đáng kể thời gian trồng hành, tăng vụ, tăng giá trị theo hướng hành hữu cơ. Khảo sát mô hình sản xuất hành tím theo hướng hữu cơ của hộ ông Chiêm Liệt tại Ấp Ấu Thọ B, xã Vĩnh Hải, TX Vĩnh Châu cho thấy hiệu quả kinh tế tăng 1,5-2 lần và hệ số sử dụng đất cũng tăng trên 2 lần. Căn cứ mô hình này, tỉnh đã thử nghiệm chuyển đổi đất lúa sang hành tím tại xã Lịch Hội thượng, huyện Trần Đề. Hành đã được thu mua với giá hấp dẫn và khả năng nhân rộng rất cao.

Mía vốn là cây trồng được quy hoạch phát triển qui mô lớn trên Cù lao Dung. Tuy nhiên, do giá mía quá thấp, tỉnh đang loay hoay tìm mô hình thay thế. Khảo sát các mô hình chuyển đổi đất trồng mía sang nhãn Idor hay cao lương ngọt chưa thể có kết luận.

Trong quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tỉnh Sóc Trăng còn chú trọng đẩy mạnh cải tạo vườn tạp chuyển sang trồng các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Tỉnh đã xây dựng, hoàn thành các nhãn hiệu nông sản chủ lực, như: bưởi, cam sành, vú sữa (huyện Kế Sách, Mỹ Tú); nhãn xoòng cơm vàng (Vĩnh Châu); măng cầu gai (Ngã Năm); xoài Đài Loan (Cù Lao Dung)... với tổng diện tích hơn 29 nghìn héc-ta, thực hiện đạt tiêu chuẩn GAP, an toàn vệ sinh thực phẩm. Đây là những sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của địa phương, phù hợp điều kiện tự nhiên, năng suất cao, chất lượng tốt và sản xuất cho hiệu quả kinh tế cao.

Liên kết sản xuất cũng được Sóc Trăng quan tâm chỉ đạo. Sau 2 năm triển khai, số lượng doanh nghiệp, đại lý thu mua tham gia liên kết với nông dân trong sản xuất và tiêu thụ lúa năm sau luôn cao hơn năm trước, từ 20 doanh nghiệp hợp đồng liên kết khoảng 6.900ha ở vụ Đông - Xuân 2014 - 2015 đã tăng lên 50 doanh nghiệp hợp đồng liên kết gần 12.000ha diện tích lúa Đông - Xuân 2015 - 2016. Đặc biệt, hiện nay Sóc Trăng có doanh nghiệp Hồ Quang chuyên doanh giống lúa ST đã dẫn hình thành chuỗi cung ứng cả nước và quốc tế.

Sử dụng CS MAP ở Sóc Trăng

Mặc dù CS MAP chưa được ứng dụng vào thực tiễn chỉ đạo sản xuất của tỉnh Sóc Trăng, đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT cũng như Chi cục Trồng trọt và BVTV, Chi cục Thủy lợi khẳng định đây là một công cụ tốt để các Chi cục và Sở Nông nghiệp và PTNT xác định được các vùng rủi ro, xây dựng kế hoạch thích ứng cho từng vùng tương ứng với mức độ rủi ro về hạn, mặn. Các cán bộ tham gia xây

dựng bộ bản đồ rủi ro hạn mặn và lịch thời vụ của tỉnh Sóc Trăng nắm rất rõ phương pháp xây dựng bản đồ và có thể vận dụng để xây dựng những bản đồ có tính cập nhật hơn với những thay đổi trong cơ sở hạ tầng thủy lợi và các dự báo, cảnh báo về thiên tai. Trong thời gian tới, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng kiến nghị có những hỗ trợ tăng cường năng lực về sử dụng các phần mềm bản đồ. Một đề xuất của tỉnh Sóc Trăng là việc hỗ trợ xây dựng một ứng dụng điện thoại thông minh hoặc phần mềm để theo dõi sản xuất lúa, cập nhật các cảnh báo về thiên tai, BĐKH, sâu bệnh để công tác chỉ đạo được kịp thời và sát với thực địa hơn.

Nhận xét chung về Sóc Trăng

Trên địa bàn tỉnh, ngoài cây lúa, con tôm là kinh tế mũi nhọn, tỉnh nên phát triển sản phẩm truyền thống đã có thương hiệu như hành tím (cả hành tím hữu cơ), trong đó riêng TX. Vĩnh Châu đã có sản lượng hàng năm gần 140.000 tấn. Tùy theo thị trường và hành tím có thể mở rộng trên đất lúa tại các huyện khác như Trần Đề, Cù Lao Dung. Bên cạnh đó, cây ăn trái cũng có tiềm năng kinh tế lớn, bao gồm một số cây đặc sản, như: bưởi da xanh, sầu riêng, vú sữa, nhãn... ước tổng sản lượng các loại trái hàng năm 200.000 tấn.

Mô hình trồng vú sữa tím đạt chứng nhận VietGAP, đang xuất khẩu sang Hoa Kỳ cần được duy trì và phát triển; mô hình trồng nhãn Idor; bưởi da xanh...khá triển vọng cần theo dõi đánh giá. Riêng lĩnh vực thủy sản có mô hình mới là nuôi tôm sú nhiều giai đoạn cũng có triển vọng...

Các mô hình chuyển đổi thích ứng BĐKH phù hợp cho tỉnh Sóc Trăng

- Sản xuất hành tím là một lợi thế, tuy nhiên nên mở rộng diện tích sản xuất hành tím theo hướng hữu cơ hoặc hữu cơ để nâng cao hiệu quả và đặc biệt giảm tác hại của thuốc bảo vệ thực vật (thường dùng nhiều trong sản xuất hành tím). Ngoài ra, Các cơ quan chuyên môn hỗ trợ tỉnh đưa ra giải pháp kỹ thuật giải quyết vấn đề thủy lợi cho vùng hành tím.
- Cần hoàn thiện hạ tầng thủy lợi ở Cù Lao Dung để nuôi trồng thủy sản và trồng cao ăn trái bền vững.
- Mô hình 3 cây một con (Cụ thể các cây con gì) rất đặc sắc, tỉnh cần tổng kết hoàn thiện và nhân rộng.
- Xem xét chuyển đổi sản xuất lúa vụ 3 bắp bênh trong điều kiện thời tiết cực đoan.

Kiến nghị của tỉnh Sóc Trăng

- Khó khăn của tỉnh trong tái cơ cấu nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu là thủy lợi, tỉnh đề nghị trung ương hỗ trợ để thực hiện các dự án về cống dọc sông Hậu và âu thuyền để

điều tiết mặn, ngọt; hỗ trợ giải pháp thuỷ lợi cho vùng sản xuất hành tím Vĩnh Châu để giải quyết tưới mùa khô (hiện nay dùng nước ngầm) và chống ngập mùa mưa.

- Cần luật hoá việc sử dụng đất lúa làm các hồ giữ nước ngọt (hiện nay chưa có quy định).
- Tỉnh còn lúng túng trong việc chuyển đổi diện tích trồng mía ở Cù Lao Dung, cần được hỗ trợ để chuyển đổi vùng này sang nuôi trồng thuỷ sản (vùng ảnh hưởng mặn) và trồng cây ăn trái (vùng nước ngọt) trong đó thu hút được các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, tiêu thụ.
- Hỗ trợ cho phát triển vùng rừng ngập nước theo hướng nuôi cá, nuôi ong và chim yến, trong đó hỗ trợ cho việc xây các nhà nuôi chim yến là rất cần thiết để nâng cao thu nhập cho cộng đồng nông dân vùng ven biển.
- Các doanh nghiệp tại địa phương sản xuất giống lúa gặp khó khi thiếu nguồn giống siêu nguyên chủng (nên độ thuần của giống thương mại thấp) và chi phí trả bản quyền cao cho doanh nghiệp độc quyền (1.000 đ/kg).
- Chi phí chứng nhận VietGAP hoặc sản phẩm hữu cơ cao, hạn chế khả năng ứng dụng của nông dân.
- Phát triển cây màu bị hạn chế vì khó khăn về đầu ra.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Nhận xét chung cho vùng ĐBSCL

4.1.1. Nút thắt của sản xuất Nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu long

1) Việt Nam xếp thứ 14 về dân số (96.682.257 người vào ngày 13/09/2018); chiếm 1,27% dân số toàn cầu; song lại xếp thứ 65 về diện tích tự nhiên. Diện tích đất Nông nghiệp/đầu người 0,104ha, tương đương 8,7% trung bình của thế giới; xếp thứ 42 theo GDP và thứ 129 theo GDP/đầu người (2.109USD), cho thấy khả năng đầu tư không cao và lao động nông thôn qua đào tạo chỉ 13,9%.

2) Tác động BĐKH đối với ĐBSCL, đặc biệt là sản xuất Nông nghiệp/lúa gạo dẫn tới tính dễ bị tổn thương của 17,3 triệu nông dân, chủ yếu là nông hộ nhỏ và người nghèo. Nếu không thích ứng sẽ ảnh hưởng tới an ninh lương thực, đời sống người dân không chỉ trong vùng mà còn trên phạm vi cả nước bởi ĐBSCL đóng góp 54% sản lượng lúa, 70% lượng thủy sản nuôi trồng, 36,5% lượng trái cây, cung cấp 90% sản lượng lúa gạo xuất khẩu và 65% sản lượng thủy sản xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên, ĐBSCL hiện là 1 trong 4 đồng bằng trên thế giới bị tác động mạnh nhất do biến đổi khí hậu, nước biển dâng¹.

¹ Phát biểu khai mạc của PTT Vương Đình Huệ tại Hội nghị “Phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu”, Cần Thơ 26-27/9/2017

Chỉ số rủi ro về khí hậu toàn cầu năm 2016 xếp Việt Nam là quốc gia đứng thứ 7 chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ những hiện tượng thời tiết cực đoan giai đoạn từ 1995 đến năm 2014.

i) Về ngập: Với kịch bản nước biển dâng 100cm, ĐBSCL sẽ bị ngập 38.9% diện tích, trong đó Hậu Giang ngập 80,62%, Kiên Giang: 76,86% và Cà Mau: 57,69% (Bộ TN-MT, 2017).

(ii) Xâm nhập mặn: ĐBSCL có Diện tích khoảng 4 triệu ha, song địa hình thấp, cao độ phổ biến +1.0m nên vùng ảnh hưởng mặn tiềm năng có thể >2 triệu ha⁽¹⁾.

Xu thế xâm nhập mặn từ 2010-2017 nay so với trước đây: i) Xảy ra sớm hơn. Trước đây: từ tháng 2, nay, thường từ cuối tháng 12, đầu tháng 1 (sớm hơn 1-1,5 tháng); ii) Khả năng kéo dài: Có thể kéo dài đến 6 tháng hoặc hơn và iii) Độ mặn cao: Đầu mùa (Tháng 1, 2) có khả năng lớn hơn giữa mùa (Tháng 3, 4), ngược với quy luật xâm nhập mặn trước đây.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT (2016), do hạn và xâm nhập mặn, diện tích lúa thiệt hại từ cuối 2015 đến đầu 3/2016 là 139.000 ha; trong đó, 86.000 ha thiệt hại trên 70% năng suất (chiếm 62%), 43.000 ha thiệt hại từ 30-70% năng suất (chiếm 31%) và 9.800 ha thiệt hại dưới 30% năng suất (chiếm 7%). Các tỉnh bị thiệt hại nhiều là Cà Mau: 49.343 ha, Kiên Giang: 34.093 ha, Bạc Liêu: 11.456 ha và Bến Tre: 13.844 ha. Vào năm 2050, theo kịch bản trung bình về BĐKH, sản lượng lúa Đông Xuân ở ĐBSCL có nguy cơ giảm 2,16 triệu tấn; Lúa hè thu giảm sản lượng 1.475 ngàn tấn.

3) Nút thắt quan trọng nhất, mang tính quyết định là khối lượng và chất lượng nguồn nước ngọt. Về chỉ số an ninh nguồn nước, Việt Nam xếp thứ 9/10 nước ASEAN².

(i) Số lượng nước: 89% lượng nước ĐBSCL bắt nguồn từ ngoài lãnh thổ. Theo nghiên cứu³, gần 90% số năm là lũ vừa và nhỏ, khả năng “mất lũ” rất cao.

(ii) Phù sa: (chảy qua Tân Châu và Châu Đốc), trung bình 1997-2016: Xu thế giảm 0,72.10⁶ tấn/năm (# 2,3 %/năm); giảm 46% sau 20 năm. Tổng lượng phù sa TBN (Tháng 9&10) là 24,3.10⁶ tấn/năm, trong đó: 89% qua Tân Châu, 11% qua Châu Đốc⁴

Lũ giảm không được cải tạo đồng ruộng, sâu bệnh tăng lên dẫn đến thuốc BVTV sử dụng nhiều hơn. Phù sa giảm làm lượng phân bón phải sử dụng tăng lên.

4) Hạ tầng kém phát triển, nhất là giao thông đường bộ, cảng biển, không có đường sắt (loại phương tiện vận chuyển hiệu quả nhất); cơ sở chế biến, bảo quản nông sản gần như không có; tạo ra áp lực phải bán tươi. (Lưu ý, thị trường trái cây chế biến toàn cầu khoảng 300 tỉ USD)

² Richard Silbergliitt. Symposium on Integrated Foresight for Sustainable Economic Development and Eco-Resilience in ASEAN Countries. Thailand, 1– 2 October 2013

³ Trần Minh Tuấn, Viện KHTL Miền Nam. Một số vấn đề về dòng chảy và xâm nhập mặn vùng ĐBSCL. Báo cáo HT: Xây dựng kế hoạch ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn và ngập lụt, thích ứng với Biến đổi khí hậu tại các tỉnh ĐBSCL”, Cần Thơ, 21/7/2017.

⁴ Đài KT-TV khu vực Nam Bộ (TT KT-TV Quốc gia). Diễn biến chất lơ lửng và nguy cơ sạt lở vùng ĐBSCL. Báo cáo Hội thảo: Đánh giá nguy cơ lũ sớm, lũ lớn năm 2017 ở ĐBSCL. Đồng Tháp, ngày 2/6/2017

5) Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, kể cả KHCN vừa thiếu vừa thấp. Tỷ lệ đầu tư cho nghiên cứu sản phẩm chủ lực thấp (trừ lúa, song lúa cũng chủ yếu cho khâu giống)

6) Mô hình tăng trưởng của nông nghiệp ĐBSCL từ trước đến nay chủ yếu dựa vào tài nguyên: đất đai và nước, lao động thủ công. Quy mô canh tác của các hộ tuy lớn nhất cả nước, nhưng vẫn theo nền canh tác của hộ gia đình. Phân tích về nghèo đói có thể thấy ở miền núi phía Bắc, nguyên nhân của sự nghèo đói chủ yếu do thiếu tài nguyên, trong khi đó ở ĐBSCL nghèo chủ yếu do thiếu khoa học và đầu tư.

7) Nông nghiệp đang lệ thuộc vào bên ngoài: Thị trường đầu vào (phân bón, vật tư, nguyên liệu) và đầu ra chủ yếu lệ thuộc vào Trung Quốc. Thị trường phát triển hơn các vùng nông thôn khác, nhưng chủ yếu là thương lái (kể cả thương lái nước ngoài), song tiếc là thương lái lại không nằm trong quản lý chặt chẽ của nhà nước.

8) Chuỗi giá trị chưa được hình thành căn cơ và bền vững. Số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp rất thấp (dưới 2%). Liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân lỏng lẻo. Mặc dù Chính phủ đã có nhiều chính sách, song chưa có cơ chế vận hành hiệu quả.

4.1.2. Sự thay đổi về vai trò của lúa gạo và sự cần thiết chuyển đổi một phần đất lúa sang cây trồng và thủy sản vùng bằng sông Cửu Long

1) Hiện nay và trong tương lai, vai trò lúa gạo ở Việt Nam đang có những thay đổi do (i) ANLT dựa trên lúa gạo không còn tuyệt đối như trước và cần chuyển sang an ninh dinh dưỡng, tức cần sự gia tăng các nguồn thực phẩm khác giàu protein, vitamin và các vi chất trong cơ cấu bữa ăn, trong khi tiêu thụ gạo trên đầu người giảm (ii) sự sụt giảm giá gạo trên thị trường thế giới từ năm 2012 đến nay làm cho xuất khẩu gạo gặp khó khăn do hiệu quả thấp và giá gạo thấp dự báo còn kéo dài và (iii) thu nhập từ sản xuất lúa thấp hơn nhiều ngành sản xuất nông nghiệp khác.

2) Đối với vai trò đảm bảo ANLT, ĐBSCL sẽ không phải gánh vác toàn bộ như trước đây cho cả nước và có điều kiện chuyển một phần sản xuất lúa sang các mục tiêu khác đạt hiệu quả kinh tế cao hơn. Tuy nhiên, nhà nước vẫn phải có chính sách đặc biệt để ĐBSCL có khả năng làm nhiệm vụ là van dự trữ an toàn về ANLT cả nước trong mọi tình huống. Do vậy, Chính phủ luôn yêu cầu chuyển đổi đất lúa sang cây trồng khác hoặc nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo có thể chuyển ngược lại nếu có nhu cầu trồng lúa.

3) Từ cách nhìn về vai trò lúa gạo vùng ĐBSCL như trên, câu hỏi đặt ra là nên duy trì diện tích đất lúa bao nhiêu ở ĐBSCL từ diện tích đất lúa hiện nay là 1,85 triệu ha? Theo tính toán của Bộ NN&PTNT để đảm bảo ANLT đến năm 2030 diện tích đất lúa cả nước tối thiểu cần giữ là 3,2 triệu ha với diện tích gieo trồng 6 triệu ha và năng suất bình quân khoảng 6 tấn/ha. Tính toán này phù hợp với cách tính của Ngân hàng thế giới.

Theo phương án giữ đất lúa ở mức tối thiểu cho ANLT, xuất khẩu gạo sẽ giảm dần và đến năm 2030 hầu như không còn xuất khẩu gạo hoặc không đáng kể.

4) Trên diện tích đất lúa được giữ lại nên sử dụng thế nào để đạt hiệu quả cao, bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường và được nông dân ủng hộ?

(i) Xác định vùng chuyên canh lúa trọng điểm ở ĐBSCL, đây là vùng sản xuất thuận lợi, đảm bảo 2 vụ lúa năng suất cao. Theo đánh giá của Bộ NN&PTNT và Ngân hàng thế giới, vùng chuyên canh này nằm ở 30 huyện thuộc 8 tỉnh ĐBSCL là An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Hậu Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, Tiền Giang và Long An, đây được xem như vựa lúa của đồng bằng và cũng là cả nước, vì hiện nay sản lượng lúa của các huyện này chiếm 50% tổng sản lượng lúa của ĐBSCL và đóng góp 75% tổng sản lượng gạo xuất khẩu của cả nước. Đối với vùng này nhà nước cần đầu tư thích đáng để hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, sau thu hoạch, chế biến, thương mại, đạt cơ giới hoá 100%, đạt sản xuất theo phương thức tập thể, liên kết, liên doanh 100%, áp dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong chuỗi giá trị. Vùng này ngoài hai vụ lúa là chính, tùy theo tình hình cụ thể có thể sản xuất thêm một vụ cây trồng ngắn ngày (2 lúa luân canh rau màu, đậu) hoặc lúa vụ ba (ba vụ lúa/năm). Cơ cấu 2 vụ lúa luân canh cây ngắn ngày nên được khuyến khích, cơ cấu ba vụ lúa chỉ nên làm ở những nơi ăn chắc và khi nào lúa có giá tốt, và luân phiên cấy vụ ba để lấy phù sa. Diện tích đất lúa vùng chuyên canh trọng điểm nên được giữ ổn định khoảng 800.000 ha. Vùng này chủ yếu chuyên trồng giống lúa thơm cao sản và lúa chất lượng cao.

(ii) Xác định vùng sản xuất lúa thơm đặc sản, lúa hữu cơ dựa vào điều kiện thích ứng BĐKH và điều kiện sinh thái tự nhiên. Đây là vùng luân canh tôm - lúa ở các tỉnh ven biển và vùng lúa mùa một vụ ở bán đảo Cà Mau. Đối với vùng này nhà nước cần đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ cho cơ cấu luân canh tôm - lúa (nếu có hệ thống thủy lợi tốt có thể tăng thêm 100.000 ha luân canh tôm - lúa và củng cố diện tích tôm - lúa hiện có khoảng 150.000 ha). Ngoài hệ thống thủy lợi nhà nước hỗ trợ tuyển chọn giống lúa đặc sản và có chính sách khuyến khích sản xuất lúa hữu cơ. Sản phẩm gạo ở vùng này có thể đi vào phân khúc thị trường gạo đặc sản có giá cao nhất trên thị trường thế giới hiện nay. Diện tích vùng này sau khi ổn định khoảng 500.000 ha

(iii) Vùng còn lại sản xuất lúa linh hoạt luân canh một vụ lúa với cây trồng cạn hoặc chuyển sang trồng chuyên cây trồng cạn ngắn ngày (rau, đậu, màu, hoa, cỏ phục vụ chăn nuôi...) khi cần thiết có thể chuyển sang trồng lúa. Diện tích vùng này sau khi ổn định khoảng 200.000 ha.

4.2. Nhận xét cho các tỉnh vùng Bán đảo Cà Mau

1) Các tỉnh khảo sát đợt này (Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu và Sóc Trăng) đều là các tỉnh thuộc vùng ven biển, có đặc điểm rất đa dạng về hệ thống canh tác, từ chuyên lúa, lúa màu, cây ăn trái, rau, thủy sản, trồng trọt-thủy sản và lâm nghiệp-thủy sản. Các tỉnh này, trong chuyển đổi sản xuất lúa, không diễn ra tình trạng tự phát chuyển đất lúa sang trồng cây ăn quả như các tỉnh khác mà chủ yếu chuyển

đổi theo cơ cấu thủy sản - lúa, cơ cấu này có tính thích nghi cao với BĐKH và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Trong cơ cấu thủy sản - lúa gần đây đã xuất hiện nhiều mô hình tốt, tăng tính đa dạng sinh học và hiệu quả kinh tế (như tôm - tôm càng xanh + lúa; tôm sú + tôm thẻ - lúa; 2 vụ lúa - cá, v.v) cần được tổng kết để hoàn thiện và nhân rộng.

2) Tất cả các địa phương đều có đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo liên kết doanh nghiệp với nông dân theo chuỗi giá trị ở các mức cam kết khác nhau, từ mô hình cánh đồng lớn đến sản xuất theo hợp đồng, sản xuất có chứng nhận và truy xuất nguồn gốc. Nhiều mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao được ứng dụng.

3) Các tỉnh ven biển thuộc bán đảo Cà Mau bị ảnh hưởng nặng của BĐKH tuy nhiên diện tích lúa xuân hè hoặc thu đông vẫn còn lớn (trừ Cà Mau), vì vậy các tỉnh cần thiết có quy hoạch chuyển đổi một phần diện tích lúa này để giảm thiểu rủi ro; bản đồ ranh giới rủi ro cho vùng lúa 3 vụ/năm có thể được chi tiết hoá trên nền bản đồ rủi ro do IRRI/Cục Trồng trọt đang triển khai. Công tác khuyến nông, tuyên truyền cần tăng cường để hạn chế nông dân tự phát trồng lúa vụ ba ở các nơi rủi ro cao. Lúa chất lượng là ngành hàng được tất cả các tỉnh quan tâm, trong đó bao gồm cả lúa hữu cơ, lúa VietGAP trồng thuần cũng như trong mô hình lúa-tôm. Có tính định hướng chuyển 100% đất lúa sang sản xuất lúa chất lượng cao.

Sản xuất lúa cần được cơ giới hoá toàn bộ kể cả lúa sản xuất trong cơ cấu tôm - lúa. Hiện nay khoảng trống trong cơ giới hoá sản xuất lúa là khâu gieo cấy. Sử dụng máy cấy cần được thúc đẩy với những cải tiến kỹ thuật cần thiết (như làm mạ) cùng với các chính sách hỗ trợ, ngoài ra cần phát triển các phương pháp cơ giới hoá khâu gieo sạ thay cho công cụ kéo tay sạ theo hàng hoặc sạ lan.

Cần tiếp tục phát triển các giống lúa mới chất lượng cao, đặc sản, chịu mặn và phục tráng, chọn thuần các giống lúa mùa đang được trồng. Bộ NN & PTNT (Cục Trồng trọt) tiến hành công nhận các giống lúa mới đã được các địa phương trồng trên diện rộng trên hàng vạn ha để việc sản xuất, cung cấp giống được hợp pháp phục vụ sản xuất.

4) Phát triển cây màu trên đất lúa để tăng tính thích nghi với BĐKH và tăng tính đa dạng cây trồng là xu hướng tốt, tuy nhiên khó khăn hiện nay các tỉnh đều gặp là khó khăn về đầu ra và giá bán các loại sản phẩm màu rất bấp bênh. Hướng khắc phục có thể là tổ chức sản xuất (diện tích đủ lớn - nông dân liên kết) cộng với tiến bộ kỹ thuật (giống mới, thủy lợi cho cây màu, ...) và có doanh nghiệp thu mua, chế biến. Về kỹ thuật, việc đầu tư nhà nước cho nghiên cứu và phát triển cây màu chưa được chú ý trong nhiều năm qua, vì vậy cần được khắc phục trong giai đoạn tới.

5) Nuôi trồng thủy sản, đặc biệt tôm là thế mạnh của các tỉnh khảo sát, chiếm gần như toàn bộ khối lượng thủy sản xuất khẩu của cả nước. Các mô hình nuôi tôm cũng rất đa dạng, từ tôm-rừng đến tôm

sinh thái, hữu cơ (tôm-lúa) đến tôm nuôi quảng canh, bán thâm canh, thâm canh và siêu thâm canh, hiệu quả kinh tế và môi trường đều rất cao. Công tác giống tôm được quan tâm đặc biệt vì trung bình chiếm 50-55% giá thành tôm.

Hiện nay, có 8/13 tỉnh, thành ĐBSCL có thả nuôi tôm sú, với tổng diện tích khoảng 598.000ha, trong đó mô hình tôm – lúa và quảng canh cải tiến luôn chiếm diện tích lớn so với các mô hình còn lại. Theo nhận định của các nhà chuyên môn, xâm nhập mặn và kịch bản nước biển dâng, sẽ dẫn đến nhiều vùng đất bị nhiễm mặn, có khả năng mở rộng diện tích nuôi tôm hoặc buộc phải chuyển đổi sang nuôi tôm để thích ứng. Vì vậy, diện tích nuôi tôm nước lợ những năm tới có khả năng mở rộng lên từ 800 ngàn – 1 triệu ha, tập trung chủ yếu tại ĐBSCL. Con tôm nước lợ, đặc biệt là tôm sú (loài bản địa) luôn có giá trị thương mại cao, có thị trường ổn định và khả năng cạnh tranh lớn.

6) Mô hình nuôi tôm - lúa có tốc độ tăng trưởng khá nhanh tại ĐBSCL. Nếu như năm 2000, diện tích nuôi tôm - lúa của cả khu vực chỉ có 71.000ha thì mười lăm năm sau, diện tích đã tăng lên 175.000ha, chiếm 30,5% tổng diện tích nuôi tôm sú toàn vùng và sản lượng đạt 75.000 tấn. Các tỉnh có diện tích thả nuôi tôm – lúa lớn gồm: Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng... Năng suất nuôi tôm – lúa bình quân đạt khoảng 300 - 500 kg/ha tôm và 4-7 tấn lúa. Chi phí sản xuất trung bình 30 – 35 triệu đồng/ha, lãi suất trung bình 35 – 50 triệu đồng/ha/năm.

Trong mô hình tôm-lúa, ngoài đối tượng nuôi chính là con tôm sú thì nông dân còn nuôi ghép tôm-cua, tôm sú-tôm càng xanh, trong đó diện tích nuôi tôm càng xanh rất lớn, toàn vùng đạt 36.800ha, tập trung tại các tỉnh Bạc Liêu (17.275ha), Cà Mau (11.382ha), Kiên Giang (5.200ha), Bến Tre (1.500ha) và Trà Vinh (1.112ha). Việc nuôi ghép này nên khuyến khích vì vừa giảm rủi ro về thị trường, tăng thu nhập và tạo vòng tuần hoàn thức ăn tốt hơn, giảm ô nhiễm môi trường.

7) Ngoài cây lúa, con tôm, một số tỉnh còn phát triển sản phẩm đặc sản, bản địa như hành tím (Vĩnh Châu-Sóc Trăng), chuối Xiêm (Cà Mau), cua Năm Căn...

8) Nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao, thậm chí siêu thâm canh đòi hỏi đầu tư lớn và nguồn nhân lực chất lượng cao nên tỉ lệ không lớn trong thực tiễn sản xuất. Trên thực tế số hộ nuôi tôm nhỏ lẻ mới chiếm vị trí chủ đạo trong cung cấp nguồn nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu. Do vậy, Nhà nước và các địa phương cần có chính sách hỗ trợ để hộ nông dân nhỏ lẻ có thể liên kết sản xuất thông qua HTX, hoặc liên kết doanh nghiệp thông qua cung cấp con giống, thức ăn, đào tạo và bao tiêu sản phẩm. Vốn cho nuôi tôm thâm canh chi phí cũng rất cao, trung bình 70-80 triệu đồng/1ao nuôi 200m², do vậy nếu không có chính sách thỏa đáng về vốn thì khó có sản xuất bền vững và nguy cơ rủi ro không chỉ về kinh tế mà rủi ro về mất thị trường khi bị thẻ vàng và thẻ đỏ là rất cao

8) Cần chủ động được vùng nguyên liệu khi có thị trường và yêu cầu của thị trường về số lượng, chủng loại, tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

9) Tuy nhiên, phát triển sản xuất nông nghiệp vùng ven biển vẫn đang đứng trước nhiều thách thức cần nắm bắt và có giải pháp ứng phó hiệu quả

(i) Đầu tư cho thủy lợi phải nói là then chốt cho các tỉnh ven biển bán đảo Cà Mau để ứng phó với BĐKH và phát triển nông nghiệp bền vững. Các tỉnh trong vùng đều có các yêu cầu đầu tư thủy lợi cấp bách và lớn như đê biển, cống Cái Lớn - Cái Bé, âu thuyền, thủy lợi phục vụ thủy sản, v.v. Ngân sách nhà nước và ODA trong khuôn khổ đầu tư cho ĐBSCL thích ứng với BĐKH cần được ưu tiên cho hạ tầng thủy lợi bao gồm đê biển cho các tỉnh ven biển bán đảo Cà Mau.

(ii) Nguồn nước ngọt khan hiếm, có tỉnh như Cà Mau còn không có nguồn nước từ bên ngoài. Hệ thống công Cái Lớn, Cái bé không hỗ trợ được gì cho Cà Mau. Do vậy việc tích trữ nguồn nước cho sinh hoạt, cho sản xuất trồng trọt và đặc biệt cho nuôi trồng thủy sản có ý nghĩa sống còn. Việc dành một ít diện tích đất lúa để làm các hồ chứa nước ngọt là giải pháp hữu hiệu, tuy nhiên khó thực hiện do đất hiện đang được từng hộ nông dân sử dụng sản xuất nên việc thu hồi không dễ. Giải pháp khả thi trước mắt có thể nạo vét các kênh, rạch làm nơi tích giữ nước ngọt trong mùa mưa để sử dụng cho mùa khô như mô hình vài nơi đang làm. Cùng với nguồn nước thì hệ thống cấp, thoát nước vốn được xây dựng cho trồng lúa cũng cần điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu tái cơ cấu. Hệ thống cấp thoát nước không chỉ đảm bảo cung cấp đủ nước về lượng và chất lượng, đúng thời điểm mà còn phải ngăn ngừa dịch bệnh, chất thải từ ao nuôi này sang ao nuôi khác

(iii) Giống lúa cho vùng tôm-lúa và giống tôm cho nuôi tôm cần đặc biệt quan tâm. Các giống lúa phù hợp cho canh tác hữu cơ trong mô hình tôm-lúa như Một bụi đỏ, DS1, ST...cần được quan tâm hoàn thiện hệ thống pháp lý về bản quyền giống, về hệ thống sản xuất và cung ứng giống 3 cấp. Qua khảo sát, mặc dù mô hình sản xuất lúa trên đất nuôi tôm có diện tích rất lớn, nhưng nguồn lúa giống để gieo cấy hợp với lịch thời vụ thì lại thiếu trầm trọng. Nhiều năm qua, nông dân các tỉnh ven biển chủ yếu gieo cấy duy nhất là giống lúa Một bụi đỏ, nhưng loại lúa này có thời gian sinh trưởng quá dài, nên khi mùa mưa kết thúc sớm là nông dân gặp khó khăn, có nơi thiệt hại trắng, thua lỗ nặng.

(iv) Thứ ba, tình trạng phát triển nuôi tôm thiếu qui hoạch, sản xuất nhỏ lẻ nên khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng và nguồn gốc con giống, nên rất dễ phát sinh ra dịch bệnh. Khi tôm phát bệnh, dùng thuốc, hoá chất để chữa lại kéo theo nhiều hệ lụy như lượng tồn dư kháng sinh dẫn đến tôm xuất khẩu bị trả về.

(v) Hiện có nhiều mô hình sản xuất hữu cơ, thâm canh cần được tổng kết để làm cơ sở triển khai trên diện rộng các mô hình hiệu quả.

(vi) Có một thực trạng đáng lo ngại trong quá trình thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp là một bộ phận không nhỏ người dân vẫn chưa có ý thức liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản. Tình trạng “được mùa, mất giá”, ứ ứ hàng hóa cần giải cứu vẫn diễn ra. Một số trường hợp sản xuất ra “ăn thì thừa, bán thì thiếu” do không có thương hiệu, chất lượng không đồng đều. Do vậy, việc tạo điều kiện về cơ

chế chính sách kêu gọi doanh nghiệp tăng cường đầu tư, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tiến tới 100% diện tích cây trồng và nuôi trồng thủy sản được sản xuất theo hợp đồng là mang tính quyết định.

(vii) Công nghệ phụ trợ, thuốc hoá chất, chất xử lý cải tạo môi trường đặc biệt là thức ăn vẫn chủ yếu là nhập khẩu, trong đó, thức ăn nhập nguyên liệu và do các doanh nghiệp FDI sản xuất, dẫn đến giá thành tôm thương phẩm đội giá cao. Hay chuyện con tôm giống, hiện chủ yếu cũng nhập khẩu từ ISI (Mỹ), SIS (Singapore), CP (Thái Lan), điều này ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của sản phẩm tôm của Việt Nam. Về vấn đề này, tập đoàn Việt Úc cho rằng, cần phải xây dựng chuỗi giá trị ngành tôm mà đột phá đầu tiên phải bắt đầu từ con tôm giống vì tôm giống đóng góp vào 55% thành công của nuôi tôm nhưng hiện nay Việt Nam vẫn chủ yếu nhập khẩu tôm giống, thậm chí trước đây nhập 100%.

(viii) Về chính sách, Chính phủ cần quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng nuôi trồng thủy sản, nhất là diện tích nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp; trong đó khó khăn nhất là diện phục vụ cho nuôi tôm; đồng thời, cần quy hoạch lại vùng nuôi tôm mang tính liên kết vùng; đầu vào con giống, thức ăn, thuốc; đầu ra sản phẩm....

(ix) Các tỉnh ven biển bán đảo Cà Mau có lợi thế trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ nhờ hệ sinh thái tôm - lúa, tôm - rừng, lúa - cá... Vì vậy các tỉnh cần quan tâm để khai thác thế mạnh này (một số tỉnh đã đặt mục tiêu phát triển trong quy hoạch, kế hoạch). Trong đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ (thực hiện Nghị định về nông nghiệp hữu cơ) đang được Bộ NN & PTNT soạn thảo nên đưa việc hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung là một nội dung chủ yếu của đề án, trong đó hình thành vành đai nông nghiệp hữu cơ các tỉnh ven biển bán đảo Cà Mau có thể là một dự án trọng điểm.

(x) Sinh kế của người dân ở vùng ven biển cần được chăm lo (các dự án quốc tế thường nhắm vào mục tiêu này) để cộng đồng người dân có thể đóng góp hiệu quả cho bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó biến đổi khí hậu. Các mô hình nâng cao sinh kế cho người dân ven biển cần được tổng kết để huy động đầu tư nhà nước và quốc tế nhân rộng.

Phụ lục 1. Diện tích lúa theo mùa vụ của các tỉnh ĐBSCL

TT	Tỉnh	2013				2017				2017 so 2013, %			
		Tổng	Chia ra			Tổng	Chia ra			Tổng	Chia ra		
			ĐX	HT	TĐ		ĐX	HT	TĐ		ĐX	HT	TĐ
1	Long An	527.7	232.7	224.7	61.5	523.5	234.2	224.1	63.0	99.2	100.6	99.7	102.4
2	Tiền Giang	235.6	79.3	118.3	38.0	210.1	71.6	108.5	30.0	89.2	90.3	91.7	78.9
3	Bến Tre	72.2	19.0	20.1		40.7	15.7	15.2		56.4	82.6	75.6	-
4	Trà Vinh	235.6	64.5	80.7	90.4	220.2	59.9	77.0	83,3	85.3	92.9	95.4	92.1
5	Vĩnh Long	181.9	63.5	60.3	58.1	168.4	59.0	55.4	54.0	92.6	92.9	91.8	92.9
6	Đồng Tháp	541.8	208.2	198.6	135.0	534.8	208.9	198.5	127.4	98.7	100.3	99.9	94.4
7	An Giang	641.4	238.1	234.7	163.2	643.6	236.2	232.6	169.8	98.9	99.2	99.1	104.0
8	Kiên Giang	770.4	300.6	294.2	109.7	737.8	298.8	303.0	88.6	95.8	99.4	103.0	80.8
9	Cần Thơ	236.6	88.0	81.6	67.0	240.1	85.4	81.1	73.6	101.5	97.5	99.4	109.8
10	Hậu Giang	212.0	79.9	76.6	55.5	206.8	77.9	77.0	51.9	97.5	98.7	100.5	93.5
11	Sóc Trăng	373.5	141.3	200.7	-	350.0	144.2	183.2	-	93.7	102.1	91.3	
12	Bạc Liêu	181.8	49.3	56.4	-	181.8	46.3	58.8	-	100.0	93.9	104.3	
13	Cà Mau	129.8		35.5	-	118.9	na	36.7	-	91.6	-	103.4	
	ĐBSCL	4340.3	1564.4	1682.4	688.0	4157.5	1539.4	1651.1	658.3	95.8	98.4	99.9	95.7
	Cả nước	7,902.5	3106.6	2122.8	688.0	7673.5	3077.4	2105.9	658.3	97.1	99.1	99.2	95.7

Nguồn: Cục Trồng Trọt

Phụ lục 2. Diện tích nuôi trồng thủy sản ĐBSCL 2017

STT	Địa phương	Diện tích nuôi trồng thủy sản, ha		Diện tích tôm-lúa, ha
		Tổng	Trong đó tôm	
1	Cả nước	1.10.200	723.760	
2	ĐBSCL	798.400	598.690	
3	Long An	9.400	12.073	
4	Tiền Giang	16.000	24.498	
5	Bến Tre	45.200	54.870	
6	Trà Vinh	33.800	43.242	2.619
7	Vĩnh Long	2.300	15	
8	Đồng Tháp	6.200	1.548	
9	An Giang	2.700	50	
10	Kiên Giang	153.900	63.190	77.264
11	Cần Thơ	8.300	23	
12	Hậu Giang	7.300	34	
13	Sóc Trăng	74.100	127.882	9.919
14	Bạc Liêu	136.100	114.865	28.285
15	Cà Mau	303.100	156.400	51.570

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2019; AMDI 2015

Phụ lục 3. Danh sách đoàn công tác

Cơ quan/Chuyên gia	STT	Họ và tên chuyên gia
Chuyên gia độc lập	1	Ông Bùi Bá Bổng, nguyên thứ trưởng Bộ NN-PTNT, Trưởng đoàn
	2	Ông Nguyễn Văn Bộ, nguyên Giám đốc Viện KHNN Việt Nam
Cục Trồng trọt	1	Ông Lê Thanh Tùng, Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt
	2	Bà Trần Thị Mỹ Hạnh, Cán bộ Cục Trồng trọt
Các Viện nghiên cứu	1	Ông Nguyễn Đình Vượng, Giám đốc Trung tâm Thủy nông, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam
	2	Ông Châu Tài Tảo, giảng viên khoa Thủy sản, trường Đại học Cần Thơ
CCAFS	1	Ông Nguyễn Đức Trung CCAFS SEA
	2	Ông Dương Minh Tuấn CCAFS SEA

Phụ lục 4. Lịch làm việc và địa điểm khảo sát

Thời gian		Công việc
10/12/2018	Chiều	Di chuyển Hà Nội - Cần Thơ - Rạch Giá (Kiên Giang)
	Tối	Nghỉ KS Sea Light, Rạch Giá
11/8/2018	8:00 - 12:00	Làm việc sở NN-PTNT Kiên Giang: Ông Nguyễn Văn Tâm, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT cùng các chi cục liên quan
	13:30 - 17:30	Đi thực địa tại: i) HTX Bảo Trâm, xã Nam Yên, H. An Biên: Giám đốc HTX: Ông: Lương Văn Nhâm và ông Nguyễn Văn Liền, Phó phòng NN huyện An Biên; ii) Thăm mô hình Lúa-Tôm tại Ấp Ngã Bắc, xã Đông Hưng B, H. An Minh, Kiên Giang
	17:30-21:00	Di chuyển Kiên Giang - Cà Mau. Nghỉ KS Mường Thanh
12/12/2018	8:00-11:30	Làm việc với Sở NN-PTNT Cà Mau: Ông Nguyễn Văn Tranh, Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các chi cục.
	13:30 - 17:30	Đi thực địa tại: (i) Trang trại Viễn Phú (Green Farm) tại U Minh hạ-Cà Mau Giám đốc: ông Võ Minh Khải; (ii) Mô hình nuôi tôm siêu cao sản (hộ ông Nguyễn Thanh Hà, Ấp chống Mỹ, xã Hàm Rồng, H. Năm Căn
	17:30 - 20:00	Di chuyển Cà Mau-Bạc Liêu, nghỉ KS Sài Gòn
13/12/2018	8:00-9:30	Làm việc với Sở NN-PTNT Bạc Liêu: Anh Trịnh Hoài Thanh, PGĐ Sở và các chi cục liên quan.
	9:30-12:00	Làm việc với Tập đoàn tôm Việt-Úc tại ấp Giồng Nhân, xã Hiệp Thành, TP Bạc Liêu.
	13:30 - 16:30	Thăm mô hình sản xuất hành tím theo hướng hữu cơ tại Ấp Âu Thọ B, Vĩnh Hải, TX Vĩnh Châu, Sóc Trăng (hộ ông Chiêm Liệt)
	16:30 - 19:00	Di chuyển về Sóc Trăng. Nghỉ KS Quê Tôi, 278 Phú Lợi, ST
14/12/2018	8:00-11:30	L/v tại Sở NN-PTNT Sóc Trăng: anh Lương Minh Quyết, GD sở, anh Nguyễn Thành Phước (Chi cục trưởng TT-BVTV); anh Dương Tấn Trường (Chi cục trưởng Thủy sản); anh Hà Tấn Việt (Chi cục trưởng Thủy lợi)...
	13:30 - 15:30	Thăm mô hình chuyển đổi đất lúa sang hành tím tại xã Lịch Hội thượng, huyện Trần Đề
	15:30 - 17:00	Thăm mô hình chuyển đổi đất mía sang khoai môn, cao lương, nhãn Idor (Idor. Idaw..), gốc Thái Lan tại Ấp An Nghiệp A, xã An Thạnh 3, huyện Cù lao Dung.
15/12/2018	8:00-10:30	Thăm công ty Hồ Quang tại TP Sóc Trăng chuyên sản xuất giống lúa ST phù hợp cho xuất khẩu và cho sản xuất lúa trong mô hình Tôm-Lúa
	10:30 - 12:30	Họp tổ chuyên gia
	Chiều	Di chuyển Sóc Trăng-Cần Thơ - Hà Nội



RESEARCH PROGRAM ON
**Climate Change,
Agriculture and
Food Security**



Chương trình Nghiên cứu của CGIAR về Biến đổi Khí hậu, Nông nghiệp và An ninh Lương thực (CCAFS) được chịu trách nhiệm bởi Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế (CIAT). CCAFS là chương trình nghiên cứu toàn cầu toàn diện nhất để khảo sát và giải quyết mối quan hệ mật thiết giữa biến đổi khí hậu, nông nghiệp và an ninh lương thực.

Để biết thêm thông tin xin truy cập <http://ccafs.cgiar.org/>.

Tiêu đề của ấn phẩm này nhằm phổ biến các nghiên cứu và thực hành về biến đổi khí hậu, nông nghiệp và an ninh lương thực và khuyến khích phản hồi từ cộng đồng khoa học.

CCAFS được chịu trách nhiệm bởi:



Nghiên cứu được hỗ trợ bởi:



Fund

